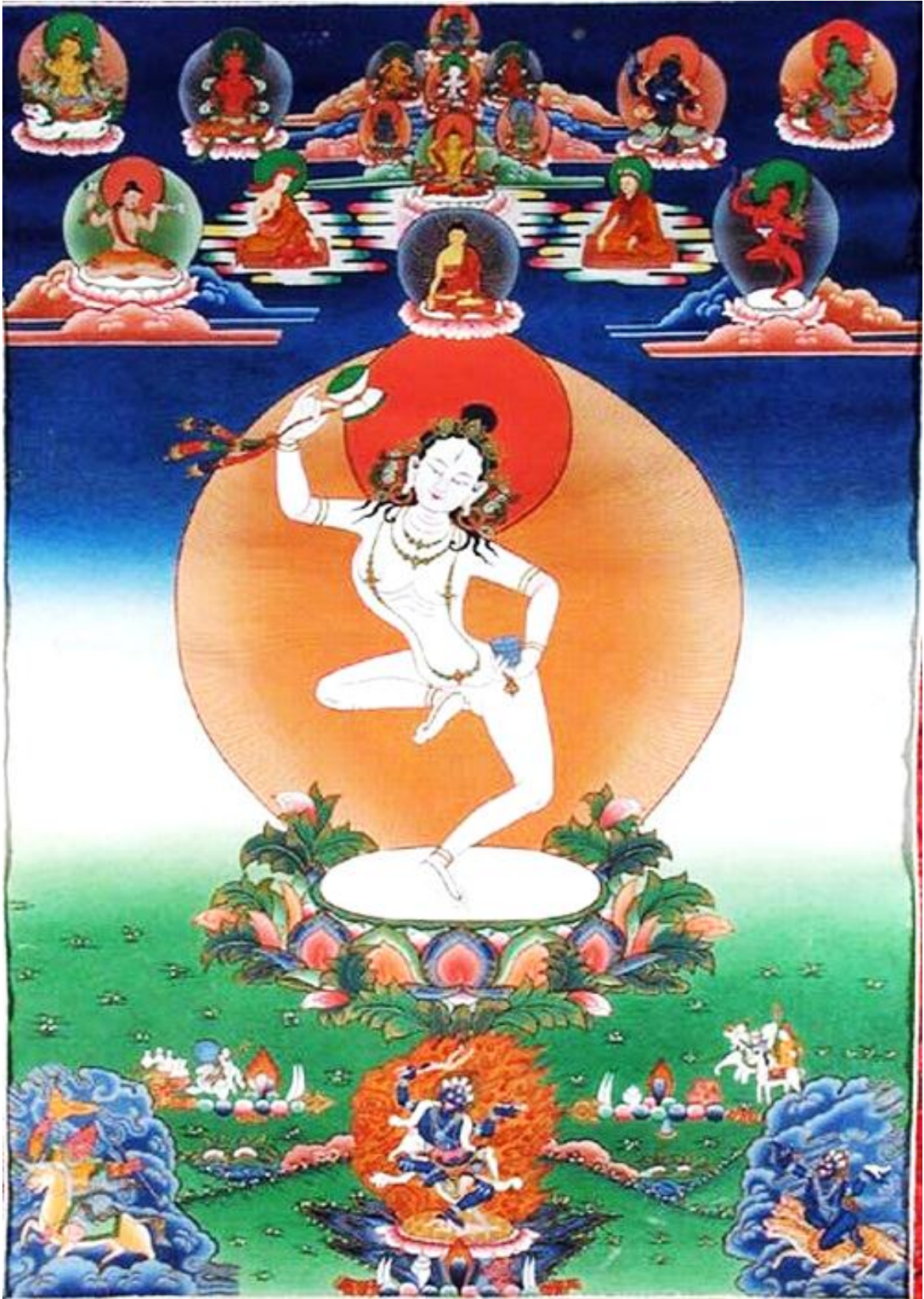


Machig Lapdron



Lời Mở đầu

Machig Lapdron là một trong những phụ nữ Tây Tạng thần bí nổi danh được yêu mến nhất. Bà được xem là một trong những Hóa thân của Yeshe Tsogyel. Vị phối ngẫu vào thế kỷ VIII của Guru Padmasambhava - Người mang Phật Giáo Kim Cương thừa vào Tây Tạng. Có nhiều tiểu sử của Machig, nhưng đây là tiểu sử dài và đầy đủ nhất tôi từng thấy. Trong “Cuộc đời của Yeshe Tsogyel”. Đức Padmasambhava đã tiên đoán Yeshe Tsogyel sẽ tái sinh là Machig Lapdron - Vị phối ngẫu của bà là Atsara Sale sẽ trở thành Topabhadra chồng của Machig.. Người phụ tá và vị phối ngẫu phụ của Padmasambhava - Tashi Khyidren sẽ tái sinh là con gái duy nhất của Machig... Tất cả những nhân vật quan trọng trong cuộc đời Tsogyel đều được tái sinh trong đời Machig Lapdron. Kể cả bản thân đức Padmasambhava là người trở thành Phadampa Sangye.

Tất nhiên không có cách để chứng minh những mối liên hệ này một cách khoa học. Đối với một người Tây phương có vẻ lạ lùng là: Gia phả được liệt kê qua dòng truyền những Hóa thân hơn là dòng dõi máu mủ. Nhưng nhiều tiểu sử của các thánh nhân Tây Tạng, bắt đầu với lịch sử của những Hóa thân quay trở lại hàng trăm năm. Ngay cả tiểu sử của Machig hơi bắt đầu gây bối rối với tiểu sử của người đàn ông. Hóa ra người đàn ông trong thực tế là Hóa thân trước đó của Machig. Sự chuyển hóa phi thường từ một Yogi ở Ấn Độ thành thân tướng của một thiếu nữ ở Tây Tạng, nhờ sự can thiệp của các Dakini là một sự kiện siêu nhiên lạ thường.

Không phải ông ta chết. Đúng hơn tâm thức của ông được chuyển di đến Tây Tạng. Vào cuối câu chuyện, chúng ta trở lại với thân xác ông. Nó vẫn không biến đổi trong năm mươi năm trong một hang động ở miền Nam Tây Tạng. Để hiểu được loại câu chuyện này, chúng ta phải từ bỏ cấu trúc quy chiếu Tây phương. Sự giới hạn những ý niệm về điều gì có thể thực hiện được và điều gì không thể. Và hiểu rằng ở những cấp độ phát triển tâm linh

cao hơn. Thế giới vật chất có thể được vận dụng bởi tâm thức và nhiều sự việc trở thành có thể thực hiện được.

Trong câu chuyện này, chúng ta thấy người ta bay qua không gian. Những tử thi được hỏa táng làm thành những hình thức điêu khắc và những hiện tượng tâm lý khác nhau. Sau khi chính mình chứng kiến một số trong những hiện tượng này. Tôi yêu cầu độc giả bỏ qua một bên những ý niệm của họ về các giới hạn của tâm và thân và mở mình ra tới những khả năng xa rộng hơn.

Ở Tây Tạng và Ấn Độ, các Yogi phát triển tâm và thân trong khi chúng ta tập trung vào những khám phá khoa học. Chúng ta thành tựu những điều thần diệu của riêng mình với sự phát triển máy truyền hình, điện thoại, máy bay... Đó là những thứ mà hai trăm năm trước dường như hoàn toàn kỳ quái và thần diệu. Trong lúc đó, những người Tây Tạng làm việc trong phòng thí nghiệm của tâm thức và phát triển bản thân trong những ẩn thất cô tịch trong núi non và hang động. Nếu xét về thời gian và sự thiên định được dùng trong sự nghiên cứu và tu hành của họ. Những hiện tượng “thần diệu” dẫn đến kết quả không quá xa lạ.

Machig Lapdron là một phần chính yếu về sự phục hưng vĩ đại của Phật Giáo xảy ra trong thế kỷ XI ở Tây Tạng. Trong thời gian này, có nhiều sự trao đổi giữa Tây Tạng và những trường phái học thuật du già Ấn Độ. Đó là những gì không còn tồn tại khi Phật giáo lụi tàn ở Ấn Độ không lâu sau thời đại của Machig. Có nhiều người hành hương sùng mộ du hành quanh Tây Tạng, Ấn Độ và Nepal. Sự kiện này thúc đẩy phát triển văn hóa và tâm linh. Ất hẳn là một thời đại rất hứng thú để sống ở Tây Tạng.

Để mang lại ý niệm về pháp Chod Đại Ấn (Mahamudra Chod). Tôi bắt đầu bằng giải thích ngắn về thực hành. Đó là giáo lý chính yếu, nhờ đó Machig Lapdron nổi tiếng. Nền tảng triết học của pháp Chod là Kinh Bát Nhã Ba La Mật. Ngay từ thời thơ ấu, Machig hoàn toàn đắm mình trong giáo lý này. Bởi khi còn là một đứa bé bà đã trở thành một người tụng đọc chuyên nghiệp. Bản văn thường được đọc nhất là bản Kinh này. Người tụng đọc chuyên nghiệp là người có thể đọc rất nhanh. Họ được đưa đến nhà những

cur sĩ sùng mộ để đọc trọn vẹn một bản văn trong một thời gian nào đó. Lý lẽ đằng sau điều này có hai phần:

Thứ nhất: Lắng nghe bản văn sẽ mang lại lợi lạc cho những gia chủ, những người bị ngập chìm trong những bận tâm thế tục.

Thứ hai: Việc trì tụng bản văn tạo nên sự tích tập công đức.

Bởi những Phật tử tin rằng: Mọi hành động có những kết quả tích cực. Vì thế một loại dự trữ thiện nghiệp có thể được tích lũy bằng cách tụng đọc lớn những bản văn linh thiêng. Số lần tụng đọc bản văn được xem quan trọng hơn việc thấu hiểu ý nghĩa của nó. Do đó tụng đọc càng nhanh càng tốt. Bằng cách này, người bảo trợ có thể tích lũy thêm công đức trong một quãng thời gian ngắn, ít tốn kém trong việc nuôi dưỡng và hiến tặng cho người tụng đọc. Từ khi còn rất nhỏ, Machig đã là người tụng đọc nhanh lạ thường. Vì thế, bà rất được quý trọng như người tụng đọc chuyên nghiệp. Có lẽ bà đền đáp vị thầy của mình bằng cách làm người tụng đọc của ông.

Mãi cho tới khi bà tiếp xúc với Lạt ma Sonam Drapa - Người chất vấn về sự thấu hiểu của bà và bảo đọc lại những bản văn. Bà mới đạt được nội quán thực sự về giáo lý. Sự kiện này được kết hợp với việc bà tiếp xúc với Phadampa Sangye - Đạo sư của phái An Định Nổi Đau Khổ (sDug.bsngal Zhi.byed) đã dẫn dắt bà đến sự thấu hiểu thực sự giáo lý bằng trực giác cũng như trí năng.

Bát Nhã Ba La Mật là giáo thuyết triết học rất sâu xa. Nên tôi chỉ phác họa những ý chính để giải thích về pháp Chod. Trước tiên, chúng ta bắt đầu với tâm thái quy ngã mê lầm. Tâm thái này khiến cho chúng ta đau khổ. Vì thế để làm vơi nỗi khổ, nên thực hành thiền định. Những gì xảy ra trong thiền định là: Tâm thức lảng xãng nhậm lẹ bắt đầu tĩnh lặng và các sự việc bắt đầu lắng xuống. Như bùn lắng xuống đáy ly nước khi để nó yên một chỗ. Khi sự lắng đọng xuất hiện. Một loại thấu suốt rõ ràng phương thức những sự việc vận hành trong tâm thức xảy ra. Sự thấu suốt này là Prajna - Trí tuệ sâu xa (Bát Nhã).

Theo giáo lý Phật Giáo, Khi sử dụng Prajna này. Chúng ta bắt đầu nhận thấy: Trong thực tế, mặc dù nghĩ rằng mình có một bản chất riêng biệt và duy nhất. Hay cái ta được gọi là “bản ngã”. Nếu quan sát kỹ lưỡng. “Ta” chỉ là một hỗn hợp của sắc thân bao gồm: Những tri giác quan, ý thức... Đơn thuần là tổ hợp của những bộ phận này. Nhận thức này là sự hiểu biết về Shunyata thường được dịch là tánh Không hay tính chất trống không - Không tự tánh, có nghĩa chúng ta “không có một bản ngã”. Nếu không có một bản ngã thì không có lý do gì để quy ngã. Bởi toàn bộ khái niệm về bản ngã để thương yêu. Không cần liên tục tự bảo vệ hay áp đặt những dự vọng lên những người khác.

Để củng cố và phát triển sự thấu hiểu về vô ngã và phát triển lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sinh. Machig đã phát triển thực hành Chod. Thực hành này, sau những sự chuẩn bị khác nhau. Hành giả tiến hành sự cúng dường thân. Đây là cốt tủy của thực hành Chod. “Chod” nghĩa đen là: “Cắt đứt”. Âm chỉ việc cắt đứt sự bám luyến vào thân xác và bản ngã.

Trước tiên hành giả quán tưởng tâm thức lìa khỏi thân qua đỉnh đầu. Tự chuyển hóa thành Dakini phẫn nộ. Sau đó Dakini phẫn nộ cầm con dao cong có hình mặt trăng lưỡi liềm và cắt đứt đỉnh đầu hành giả. Sau đó tách sọ người đặt trên một kiềng ba chân làm bằng ba chiếc sọ trên một ngọn lửa. Phần còn lại của thân bị băm nhỏ và đặt vào sọ đang phát triển vô cùng rộng lớn. Toàn thể tử thi chuyển hóa từ máu và ruột thành chất cam lồ. Đó là món được dọn ra cho mọi loài chúng sinh ta có thể nhận thức được và làm hài lòng ước muốn của những chúng sinh.

Sau khi tất cả chúng sinh đã thỏa thích và hài lòng. Hành giả tự nhắc mình người cúng dường, quá trình cúng dường và những đối tượng được cúng dường. Hoàn toàn “trống không”. Sau đó, gắng an trụ trong trạng thái của sự thấu hiểu. Nghi lễ chấm dứt với những giáo lý rộng lớn về chân tánh của thực tại. Một vài lời cầu nguyện kết thúc cho sự giác ngộ cuối cùng của tất cả chúng sinh.

Nhờ tiến trình này, bốn loài quỷ ma bị đánh bại. Vì đây là những quỷ ma nối kết với bản ngã. Sau khi đã đọc lại những bản văn Bát Nhã Ba La Mật.

Đó là lúc bà thấu hiểu chân tánh của những quỷ ma như những chức năng của bản ngã. Bà đã bắt đầu hình thành pháp Chod. Trước khi tiếp tục giải thích những pháp khí dùng cho nghi lễ. Tôi muốn thảo luận về bốn quỷ ma này. Sự bình giảng này dựa trên bài giảng truyền khẩu được Namkhai Norbu Rinpoche ban cho.

Quỷ ma đầu tiên được gọi là: “Con Quỷ Ngăn Trở Các Giác Quan”.

Khi nghĩ về quỷ ma. Ta thường nghĩ đến tinh linh ở bên ngoài tấn công con người. Nhưng Machig nhận ra: Chân tánh của quỷ ma là chức năng bên trong của bản ngã. Quỷ ma đặc biệt này, hiển lộ khi ta nhìn thấy hay kinh nghiệm điều gì đó bằng giác quan và giác quan bị ngăn trở. Nên dính mắc vào đối tượng. Chẳng hạn như: Khi nhìn một phụ nữ hay đàn ông đẹp. Khi nhìn thấy, tri giác sẽ bị phong tỏa bởi sự tham muốn sở hữu. Nên tiến trình tri giác ngừng lại, chúng ta cố gắng gặp người đó... Vì thế, đây là tiến trình phải bị thiền định đánh bại. Nếu trong trạng thái thiền định thực sự. Khi tri giác xảy ra vẫn không dính mắc hay tham luyến đối tượng được tri giác.

Quỷ ma thứ hai là: “Con Quỷ Không Thể Kiểm soát”.

Đây là tiến trình-tư tưởng tiếp nối không ngừng. Tiến trình tư tưởng tiếp nối liên tục. Tâm thức lang thang từ sự vật này qua sự vật khác và tỉnh giác hoàn toàn bị mất hút trong sự phóng tâm.

Quỷ ma thứ ba là: “Con Quỷ Dục Lạc”.

Khi kinh nghiệm điều gì thích thú như thức ăn ngon... Ta trở nên dính mắc vào nó. Có nghĩa muốn dùng thêm nữa và tránh bất kỳ điều gì xen vào giữa ta và đối tượng của sự ưa thích. Điều này không có nghĩa tự thân lạc thú là quỷ quái. Đúng hơn là: Sự bám luyến trở thành chướng ngại cho sự an trụ trong trạng thái quang minh. Ví dụ: Thiền giả có thể có giấc mộng tốt lành. Đó là dấu hiệu của sự tiến bộ. Nhưng sau đó, “Con quỷ dục lạc” bắt đầu hoạt động và thiền giả dính mắc vào giấc mộng. Hoặc người nào khác có thể có một thời gian mọi sự tiến hành tốt đẹp. Anh ta cảm thấy dễ chịu về mặt thể chất. Vì thế, anh cố gắng để duy trì thời kỳ này kéo dài bất tận. Những điều ấy phải chấm dứt trong sự thay đổi và rơi vào sự thất vọng.

Quý ma thứ tư là: “Con Quỷ Bản Ngã”.

Bản ngã là những gì với nó chúng ta lấy làm chuẩn quy định thế giới của mình. Điều này dựa trên nguyên lý “ta” và “người”. Vì thế, đã tạo nên chướng ngại trong sự tỉnh giác và nhiều đau khổ cho bản thân và người khác.

Về căn bản, tất cả bốn quý ma là những tiến trình tư tưởng cản trở trạng thái tỉnh giác trong trẻo không vướng mắc. Chúng phát sinh từ tiến trình của sự chấp ngã và thiếu trí tuệ (Bát Nhã). Hậu quả là sự ngộ nhận về tánh Không. Nên thực hành Chod là nhắm vào việc tiêu diệt bốn quý ma này.

Thực hành Chod sử dụng bốn phương pháp tạo ra âm thanh:

- 1- Tiếng người.
- 2- Tiếng trống.
- 3- Chuông.
- 4- Kèn làm bằng xương đùi người.

Trống có kích thước vòng tròn. Khi đặt bàn tay trên hông tương tự như trống được các pháp sư Sha-man ở Xi bê ri và những thầy tu đạo Bon trong tôn giáo địa phương của Tây Tạng sử dụng. Nó có 2 mặt, tượng trưng cho nam và nữ, với hai trái banh nhỏ treo từ những sợi dây ở bên này hay bên kia. Khi trống được sử dụng, những trái banh nhỏ này đánh vào mặt bên kia của cái trống tượng trưng cho sự bất khả phân của chân lý tuyệt đối và tương đối. Trống tạo nên âm thanh trầm trầm nhịp nhàng như bước chân. Kèm theo bởi cái chuông được cầm ở bàn tay trái. Tượng trưng Pháp giới nguyên sơ thuộc nữ tính.

Vào thời điểm thật hành giả chuyển hóa; cúng dường cho những quý ma. Tất cả âm thanh vang lên, tạo thành một âm điệu rên rỉ kỳ quái. Người ta hát trong suốt lúc thực hành. Các giai điệu biến đổi phù hợp với truyền thống hành giả theo học. Mỗi giai điệu có lịch sử của riêng; được các hành giả Chod (gọi là Chodpa) phát triển sau nhiều năm thực hành.

Toàn bộ tác dụng của những âm thanh này kết hợp. Tạo thành bài tụng ca cảm động với ấn tượng sâu xa trong giai điệu đẹp đẽ. Vì thế, sử dụng âm thanh là một bộ phận chính yếu của thực hành Chod. Từ những âm thanh này, tạo nên sự rung động trong thân. Đó là điều không xảy ra nếu sự thực hành chỉ trì tụng trong yên lặng.

Theo truyền thống. Pháp Chod được thực hành ở những nơi ghê rợn. Chẳng hạn như dưới những gốc cây đơn độc (nơi được cho là có quỷ ma cư trú) và trong những nghĩa địa. Ví dụ như trong tiểu sử của A-Yu Khandro. Cuộc chạm trán trực tiếp với những nỗi sợ hãi và việc vượt lên nhờ thấu hiểu bản tánh đích thực của những quỷ ma là điểm trọng yếu của thực hành Chod.

Người Tây Tạng rất sợ quỷ ma đến nỗi nhiều người sợ pháp thực hành Chod. Nên được cân nhắc rất bí mật. Có lần tôi gặp một ni cô khi còn trẻ đã đến hang động để thực hành Chod. Bà nhìn thấy điều gì đó, khiến bà sợ tới nỗi phải thực hành pháp A Di Đà - Đức Phật An Bình của cõi Tịnh độ Tây phương trong chín năm để hồi phục. Khi tôi gặp thì bà đã rất già và vẫn còn hơi mất trí.

Sự tu hành pháp Chod chỉ xảy ra trong các học viện được thành lập đặc biệt dành cho sự nghiên cứu và cần ít nhất năm năm. Gần cuối khóa tu những học viên được gởi đi thành từng nhóm và cuối cùng sẽ ở một mình. Các Chodpa luôn được mời đến, khi có những nạn dịch truyền nhiễm chẳng hạn như dịch tả. Họ chăm sóc những tử thi, băm nhỏ xương và hướng dẫn tang lễ. Hình như họ miễn nhiễm với dịch bệnh. Đôi khi, các Chodpa cũng được mời đến để làm những nghi lễ trừ tà.

Những hành giả Chod chỉ mặc những bộ quần áo bị vứt bỏ đi. Ăn thực phẩm của hành khất và sống ở những nơi hầu hết mọi người ghê tởm không muốn đến. Tất cả những điều này dựa theo gương mẫu của Machig Lapdron - Người đã sống theo cách này, và không quan tâm đến những giới hạn theo quy ước bề ngoài và cách hành xử. Những hành giả Chod du hành một mình hay thành từng nhóm và thực hành Chod ở những nơi thích hợp trên đường đi. A-Yu Khandro đã tuân theo các giáo lý của Machig Lapdron và sống

cuộc đời của một Chodpa trong nhiều năm. Tiểu sử này được lấy từ Pungpo Zankur Gyi Namshe Chodkyi Don Sal.

Theo khản cầu của các đệ tử, câu chuyện được Machig thuật lại như thế. Được Jamgon Lodro Taye biên soạn theo khản cầu của Choje Kunga Jamyang vào thế kỷ XIX. Mặc dù, được quả quyết là do chính Machig viết ra. Nhưng vẫn có thể là sự kết hợp một vài tiểu sử Jamgon Kongtrul tìm thấy trong khi nghiên cứu rộng rãi những bản văn cổ.

Tiểu sử

Machig Lapdron

(1055-1145)

Phần I

Kính lễ bà Mẹ phi nhân (1) - Dakini Trí huệ! (2).

Nếu bạn tuân theo giáo lý của Machig. Thân bạn được cúng dường cho người khác. Những thực hành khác liên quan đến việc bảo vệ thân xác. Nhưng các giáo huấn của Machig đòi hỏi phải cúng dường. Tiểu sử này, được chính Machig viết ra. Vì thế, không có những sai lầm. Machig là Dakini Trí huệ - Bà Mẹ Tâm Yếu của chư Phật Ba Thời. Dakini Kim Cương bộ. (3) và đời trước của Machig là Pandit Monlam Drub

Vì lợi ích của chúng sinh. Đứa bé trai được sinh làm con vua Palwang Chug Ấn Độ. Đứa trẻ tên là Monlam Drub (sMon.lam Grub). Không ai dạy đọc và viết. Khi lên năm tuổi, chỉ liếc qua quyển sách một lần đã thuộc nằm lòng. Mọi người nói rằng: Hẳn nó phải là một Hóa thân của đức Phật.

Từ năm lên mười đến mười lăm tuổi. Cậu bé học với Pandit (học giả) Pitibhadra. Ngài ban cho cậu những giới nguyện của Sa di (4) và được ban danh hiệu Dondrub Zangpo (5) lúc thọ giới xuất gia. Cậu học văn phạm, luận lý, Bát Nhã Ba La Mật (6), Vinaya (7) - Luật và Abhidharma (8) - Luận. Vị Thầy của cậu là một đệ tử khác thường dạy cậu Bốn Tantra.(9) Cậu trở nên thông thạo những Tantra ngang với Thầy.

Sau đó Pitibhadra nói với cậu: “Ta không thể làm thầy con được nữa. Con đã vượt qua ta. Bây giờ con phải đi Chang Chog Zangling: Nơi đó con sẽ tìm thấy Guru Ratna. Một Đại thành tựu giả có khả năng hiển lộ Mandala Cakra Sambhava. Ngài uyên bác và được trang hoàng với những thành tựu vô hạn. Ngài sẽ có thể dẫn dắt con đến việc thành tựu con đường bí mật của thần chú và cắt đứt khỏi con những nghi ngờ. Khi ấy con có thể cứu giúp chúng sinh”.

Monlam Drub đi đến Guru Ratna. Vị Thầy nhận ra khả năng của người học trò cuối cùng chỉ để giúp đỡ những người khác. Guru Ratna hiển lộ Manda sáu mươi tư phương diện của Cakra Shambhava (10) trước mặt Monlam Drub; và ban cho bốn quán đánh toàn hảo (11). Sau việc này, nhờ những năng lực đã đạt được. Monlam Drub có thể đi đến tất cả các cõi Phật không

gặp chướng ngại nào. Ông ở với Guru Ratna ba năm và làm sáng tỏ những nghi ngờ liên quan tới các Tantra và Kinh điển. Đặc biệt ông thành tựu quán tưởng và làm viên mãn những giai đoạn hậu-quán tưởng (12). Sau đó Guru Ratna nói: “Hãy đi Dorje Den (13) và đánh bại những người Phi Phật tử. Con là người duy nhất có khả năng đánh bại họ”.

Vì thế, Monlam Drub đi Dorje Den và đánh bại những người Phi Phật tử (trong việc tranh luận). Kết quả là 100.000 người Phi Phật tử trở thành môn đồ của Phật Giáo. Monlam Drub ở đó trong bốn năm. Sau đó Arya (thánh) Tara khuyên ông đi Tây Tạng để giúp đỡ dân chúng. Ngài yêu cầu ông gấp rút hoàn tất sự thiền định để sẵn sàng cải đạo dân Tây Tạng.

Ông bắt đầu di chuyển về phía bắc trong một cuộc hành hương. Một đêm ông ngủ trong một nghĩa địa.(14). Dakini của nghĩa địa bị quấy rầy bởi sự hiện diện của ông. Dakini gặp ông trong khi đang ngủ và nói: “Ông không có chỗ nào khác để ngủ sao? Tại sao ông phải ngủ trong nghĩa địa của ta?”. Bà ta bắt đầu thực hiện nhiều điều thần diệu khác nhau để quấy nhiễu. Nhưng ông vẫn an trụ trong trạng thái thiền định tĩnh lặng. Vị dakini cảm kích cúng dường ông trái tim của bà và hứa làm bất kỳ điều gì Monlam bảo.

Trong ánh sáng xanh dương đầu tiên buổi rạng đông. Mười lăm thiên nữ là những Hóa thân của Damena (15) xuất hiện nói: “Yogi, ông phải đi đến động Potari ở miền Nam Ấn Độ và sau đó đi Tây Tạng.”. Sau khi nói điều này, họ biến mất vào cầu vồng. Ông nghĩ: “Ta vẫn còn trẻ để thiền định và trở nên thành tựu trong thực hành. Nhưng ta có thể cải đạo dân Tây Tạng bằng phương pháp nào?”.

Trong khi trời còn rất tối Hóa thân nữ vĩ đại Mahayana và mười lăm thiên nữ xuất hiện khuyên ông: “Hãy đi Potari và thực hiện sự thực hành năm Dakini Mahayana đen có vẻ phẫn nộ. Ông phải nhanh chóng đi đến Tây Tạng để cải đạo chúng sinh. Vì thế, giờ đây hãy thực hành hết sức tinh tấn”. Nói xong, họ biến mất vào cầu vồng.. Khi trời sáng Dakini nghĩa địa nói: ”Ta sẽ mang ông đến Potari. Chúng ta sẽ đi bằng cách đi nhanh (thần tốc)”.

Họ nhanh chóng tới hang động và Monlam Drub bắt đầu thực hiện sự thực hành của năm Thiên nữ Mahamaya. Trong mười bốn ngày, ông đã đạt được những thành tựu thông thường (17). Sau một tháng, nhờ những thành tựu trong tâm, ông được gặp năm thiên nữ. Họ ban cho ông quán đảnh Mandala con mắt trí tuệ bí mật và khuyến khích ông đi điều phục dân chúng Tây Tạng. Sau đó, họ biến vào ánh sáng và ánh sáng tan biến vào thân Monlam Drub.

Sau một tháng, Arya Tara xuất hiện và khuyên ông đi Tây Tạng. Sau đó tan biến vào tim ông. Vào ngày thứ ba, lúc trăng tròn. Vị Bảo hộ Trường Thọ ban cho ông nhiều lời khuyên và những sự ban phước. Vào ngày thứ tám, đức Avalokitesvara (Quán Thế Âm) - Vị Bản Tôn của lòng bi mẫn. Xuất hiện và ban cho ông lời chỉ dạy và sự ban phước. Vào ngày thứ mười, Dakini Padma (18) xuất hiện với đoàn tùy tùng gồm các Dakini và chất vấn sự hiểu biết của ông về Pháp nhưng không có điều gì ông không biết. Sau đó, bà khai mở Mandala hợp nhất Bản Tôn đầu Ngựa và Bản Tôn đầu Heo (19). Từ Mandala ông nhận lãnh chỉ thị đi Tây Tạng. Tất cả các Dakini của Mandala bảo ông đi Tây Tạng.

Từ ngày mùng mười tới mười bốn. Tất cả các Dakini xuất hiện bảo ông đi Tây Tạng ngay. Rạng đông ngày mười lăm (20). Một Dakini phấn nộ màu xanh dương đậm mang những vật trang sức bằng xương và cầm gậy Khatvanga (21) và một lưỡi dao cong (22). Xuất hiện và nói giận dữ: “Giờ đây, ông phải hứa đi Tây Tạng. Ta sẽ giết ông và tâm thức của ông sẽ nhập vào ta!”.

Nói như thế xong, bà giơ dao lên như muốn giết Monlam Drub. Khi giả bộ làm như thế, tâm thức ông nhập vào bà. Theo cách này, ông đi đến Tây Tạng không chút chướng ngại. Vào lúc đó, ông hai mươi tuổi và thân được gia lực. Nên không bị hư hoại. Cuối cùng sẽ làm lợi lạc những người khác.

Thụ Thai Và Sinh Ra

Trong miền được gọi là Labchi Eli. Tâm thức Gangwar nhập vào thai tạng của người mẹ vào ngày mười lăm tháng năm năm Ngọ. Mẹ và cha ở miền

này thuộc thị trấn Tso Mer - “Hồ Mer”. Cha của Machig là nhà quý tộc địa phương cai quản thị trấn; được gọi là Chokyi Dawa - “Mặt trăng Pháp” (Pháp Nguyệt). Mẹ là Bum Cham - “Phụ Nữ Quý Phái Vĩ Đại”. Cả cha lẫn mẹ đều là người tốt lành và xuất thân từ những gia đình giàu có. Họ đã thực hành Pháp và khuyến khích người khác cũng làm như thế. Họ có đức tin nơi Tam Bảo và phụng sự Tăng đoàn. Nhà quý tộc và vợ luôn nghĩ tưởng về Tam Bảo và khuyến khích người nhìn sự việc theo quan điểm của Pháp. Đối với năm trăm gia đình dưới sự lãnh đạo. Họ giống như những vị Bồ tát.

Khi tâm thức nhập vào thai tạng người mẹ vào ngày mười lăm. Bà mơ thấy bốn vị Dakini màu trắng mang bốn chiếc bình trắng rót nước lên đầu bà. Sau này, bà cảm thấy được tịnh hóa. Rồi bảy Dakini đỏ, vàng, xanh lá cây... vây quanh cúng dường bà và nói: “Xin kính lễ bà mẹ, chúc sản phụ bình an”. Sau lúc đó một Dakini phần nộ màu xanh dương đeo những vật trang sức bằng xương mang một lưỡi dao cong. Và một đoàn tùy tùng gồm bốn Dakini màu xanh dương mang những lưỡi dao cong và những tách sọ người (23) vây quanh bà. Đứng trước mặt, phía sau, bên trái và bên phải bà. Tất cả năm vị ở trên trời trước mặt Bum Cham. Vị Dakini ở giữa cao hơn những vị kia một cẳng tay.

Vị Dakini giơ dao cong lên và nói với người mẹ: “Bây giờ ta sẽ lấy trái tim ngu dốt này ra”. Bà cầm con dao và thọc vào tim người mẹ (24) lấy trái tim và đặt vào tách sọ người của Dakini đứng phía trước bà và tất cả họ ăn hết. Sau đó, Dakini ở giữa cầm ốc xà cừ xoắn về bên phải (25) và thổi. Âm thanh vang rền khắp thế giới. Giữa ốc là chữ “A” chói sáng. Dakini nói: “Bây giờ ta thay thế trái tim bà bằng vỏ ốc trắng này”.

Sau đó, bà ta đặt vào thân Bum Cham. Bum Cham kinh nghiệm ánh sáng năm màu xuất phát từ trái tim của Dakini và tan vào đỉnh đầu bà. Sau đó bốn Dakini tùy tùng tan vào ánh sáng rồi tan vào Dakini màu xanh dương đậm ở giữa. Vị này dường như tan vào không gian tràn ngập ánh sáng. Người mẹ không cảm thấy sợ hãi trong suốt giấc mơ. Thực ra, bà không cảm thấy lo âu gì hết. Thay vào đó, bà có cảm giác hoan hỉ. Khi trái tim bị

lấy ra, bà cảm thấy hỉ lạc hơn trước. Không thấy đau đớn lại cảm thấy vui. Thân tâm bà thật hỉ lạc và trong trẻo.

Ngay cả khi thức dậy, bà cũng cảm thấy một sự Đại Lạc. Ngày hôm sau, vào lúc bình minh. Một cô gái ở gần đó tên là Aman “Tốt lành” đến. Cô ta nói: “Tôi có một giấc mơ rất lành mang lại cho chị đây”. Người mẹ dẫn cô gái vào một ngôi chùa lớn. Khi ngồi xuống cô gái nói: “Tôi có một hảo mộng để kể cho chị. Gia đình cao quý của chị đã hoàn thiện hơn trong nhiều thế hệ. Giờ đây lại có may mắn bao la như bầu trời. Gia đình chị đã tích tập rất nhiều công đức và là những người sâu sắc”.

Người mẹ nghĩ: “Đêm qua ta cũng có một giấc mơ khác thường. Thậm chí đến bây giờ vẫn còn thấy hỉ lạc và hạnh phúc. Chẳng hiểu cô gái có giấc mơ ra sao?”. Cô gái bắt đầu kể: “Đêm qua, vào lúc sáng sớm. Tôi mơ thấy ngôi nhà này lớn gấp ba lần so với thực tế. Có những vầng trăng lưỡi liềm lớn màu vàng ở trên mái nhà. Ở đó có những chiếc dù ba lớp quay tròn. Chúng lớn hơn những cái dù bình thường ba lần. Mỗi mặt của ngôi nhà có treo tấm gương bạc lớn và tròn như mặt trăng. Chúng rung rinh trong gió và ánh sáng phản chiếu từ chúng chiếu sáng miền quê.

Từ các mặt ngôi nhà, xuất hiện bốn cô gái trẻ nói là các Dakini. Họ thổi những vỏ ốc xà cừ trắng, âm thanh rất lớn dường như khắp bốn đại lục đều nghe (27). Mỗi góc nhà là những lá cờ cầu nguyện (28). Mỗi cái bay theo hướng riêng của nó. Dưới mái hiên, có nhiều ngọn đèn bơ cháy sáng rực chiếu sáng mọi sự. Một ánh sáng đỏ đang chiếu sáng ngôi nhà từ trên bầu trời trước mặt.

Tôi ở trên mái cao và hỏi một trong những Dakini đang làm gì ở đó. Bà ta đáp: Họ đang chuẩn bị ngôi nhà cho người mẹ. Từ trong điện thờ của ngôi nhà phát ra những âm thanh của các nhạc khí. Tôi tự hỏi người họ gọi là mẹ là ai? Khi tôi nghĩ: “Ta có thể vào không nhỉ?”. Tức thì có cảm tưởng đang đi vào và rồi tôi thức dậy. Sau đó, tôi có nhiều giấc mơ lành khác”.

Người mẹ có một cô con gái mười sáu tuổi tên là Bumme. Bumme nói: “Đêm qua con cũng thấy một ánh sáng trắng trên trời đi vào mẹ con và

chiếu sáng toàn thể ngôi nhà. Sau đó một bé gái tám tuổi mang Vajra (chày kim cương) xuất hiện trước mặt con và nói: “Chị có khỏe không chị?”. Con hỏi cô bé từ đâu tới, nó bảo từ Ấn Độ. Rồi con hỏi nó là ai và nó nói: “Em là Tara, chị không nhận ra em sao?” Con tự hỏi đây có phải là sự thật không? Sau đó con cố nắm lấy cô bé nhưng nó chạy vào lòng mẹ và con thức dậy”.

Sau sự kiện này, có nhiều dấu hiệu tốt lành xảy ra. Người mẹ, khi ấy bốn mươi tám tuổi. Không có những vết nhăn và bắt đầu trông trẻ hơn sau khi thụ thai. Mọi người bảo rằng: Hẳn là bà đang làm một vài thực hành Pháp tốt lành và thọ nhận những sự ban phước. Chính điều này làm bà trông có vẻ trẻ hơn. Trông bà ta trẻ như Bumme. Bum Cham có nhiều giấc mộng kỳ diệu và cảm thấy rất nhẹ nhàng và hỉ lạc. Ban đêm, bà có thể nhìn thấy miền quê như được thấp sáng như ban ngày. Bà có thể nhìn vào tâm mọi người và hiểu được nỗi khổ của họ. Mọi người nghĩ rằng: Hẳn là giấc mơ của bà phải có một ý nghĩa đặc biệt.

Vào ngày hai mươi lăm tháng Mẹo (tháng thứ hai của năm Mùi). Bum Cham bắt đầu nghe âm thanh “**Ah**” và “**Ha Ri Ni Sa**” (29) phát ra từ thai tạng. Vào ngày thứ ba tháng Thìn năm Mùi bà nghe một giọng nói từ thai tạng. Giọng đó nói: “Mẹ ơi, hãy chuẩn bị một vài quần áo bằng vải trắng mới. Hãy tẩy tịnh chúng bằng nhang trầm và tắm bằng nhựa trầm hương”.

Bum Cham làm theo lời dặn, vào tháng thứ ba năm Mùi. Đứa trẻ sinh ra vào lúc bình minh. Ngôi nhà tràn ngập khói nhang xuất hiện tự nhiên. Ánh sáng cầu vòng, một trận mưa hoa và những âm nhạc du dương xuất hiện từ không gian. Mọi người trong vùng đều cầu nguyện và cúng dường cho các vị trời (30) của gia đình. Ngay khi sinh ra, cô bé đứng trong ánh sáng cầu vòng và giữ tư thế nhảy múa của Vajra Yogini.

Cô hỏi: “Mẹ, mẹ có khỏe không?”. Sau đó nói: “**Ah**”. Trên lưỡi cô chữ “**Hri**” (31) màu đỏ chói lọi và dường như đang quay tròn. Trên trán là con mắt phát ra những dòng ánh sáng sắc cầu-vòng tinh tế (32). Trên đỉnh đầu cô, ánh sáng trắng phát ra từ chữ “**Ah**” có kích thước khớp ngón tay út. Bumme ôm đứa bé vào lòng chuẩn bị mặc bộ quần áo vải. Sau một lát, chữ “**Hri**” trắng tan vào lưỡi cô. Sau đó, họ cố cho cô ăn chất bơ trắng trộn với

ting thể đường nhưng cô phun ra. Sau đó, cô bé nhìn lên bầu trời bằng con mắt thứ ba. Một lát sau, ánh sáng trắng trên đầu thấm nhập vào cô như ánh sáng cầu vồng xuất hiện từ con mắt thứ ba trên trán.

Cô bé thôi nhìn trời, hơi hạ thấp cổ nhìn thẳng vào chị mình. Một lát sau, cô phát ra những tiếng mút rồi cô ăn bơ và hỗn hợp đường. Sau đó, cô ngoảnh lại cười với mẹ và ngủ thiếp trong lòng chị. Trong khi sanh, Bum Cham không cảm thấy đau đớn, trái lại bà vẫn cảm thấy khỏe mạnh và hoan hỉ. Sáng hôm sau, đứa trẻ gọi chị đúng tên là Bumme. Sau đó cô nói với mẹ: “Bumme rất sung sướng có một em gái xinh đẹp có ba mắt”.

Khi nghe nói người cha đang trở về nhà. Bumme sợ cha không hài lòng với đứa con có ba mắt nên đề nghị mang dấu đứa bé. Bumme cuộn cô bé trong bộ quần áo vải và dấu em đằng sau cửa. Người cha tên là Chokyi Dawa; đi vào điện thờ tìm đứa bé vì ông nghe nói nó đã ra đời. Bumme nói với cha: “Mẹ sinh một bé gái rất xấu có ba mắt và chúng con đã ném nó đi rồi”. Người cha nói: “Mang nó lại đây lập tức”.

Vì thế Bumme mang đứa bé ra và trao nó cho cha. Ông xem xét đứa bé rất kỹ lưỡng và nói: “Trong con mắt thứ ba của nó có chữ “**Ah**” rất mảnh như thể được viết bằng một sợi tóc duy nhất. Nó có mọi dấu hiệu của một Dakini.(33). Hai bàn tay có màng và những móng tay hơi đỏ chiếu sáng như mẹ của ngọc trai. Những chữ **Om Ah Hum** xuất hiện trên đó. Hãy giữ nó ở nhà, đừng đưa nó đi đó đây ngoài đường. Hãy chăm sóc kỹ lưỡng và đừng nói với bất kỳ ai về nó”.

Thời Thơ Ấu Và Sự Giáo Dục

Họ chăm sóc kỹ lưỡng và cô lớn nhanh. Khi lên ba, cô biết nhiều thần chú như: **Om Mani Padme Hum - Om Tare Tutare Ture Swaha - Tri** và **Om Gate Gate Para Gate Parashamgate Bodhiswaha - Ha Ri Ni Sa** (34)... Cô thích đi đến phòng thờ, lễ lạy và cúng dường. Khi lên năm, mẹ bắt đầu dạy cô đọc và viết. Tất cả những gì là cho người khác thấy cô và cô nhớ hết thấy mọi sự. Cô trở nên uyên bác. Mẹ cô nhờ một Lama dạy Pháp cho cô. Khi lên tám, cô có thể đọc hai quyển Kinh lớn với thời gian người trưởng thành tụng đọc chuyên nghiệp chỉ đọc được nửa quyển. Thầy bảo cha mẹ cô rằng. Cô không phải là một cô gái bình thường. Thực ra cô có vẻ là một Dakini siêu việt và vượt trội hơn Thầy. Lama nói: “Prajna (trí tuệ) của cô cháy hừng hực như ngọn lửa không thể kiểm soát được. Vì thế tôi ban cho cô danh hiệu Sherab Dronme - “Ngọn đuốc cháy rực của Prajna”.

Mẹ cô gọi cô là Dron Tsema. Dân địa phương gọi cô là Adron - “Ngọn đuốc của **Ah**”. Mọi người nghe nói về cô gái nhỏ kỳ diệu - Con gái của người đàn bà quý phái Bum Cham và tới thăm. Những người đã gặp cô rất yêu mến và nói: Ất hẳn cô là một Hóa thân của đức Phật. Sau đó chị Bumme của cô xuống tóc và thọ giới làm ni cô với Geshe Aton và được đặt danh hiệu là Tontso Rinchen Bum - “Một Trăm ngàn Hồ Châu Báu” và Bumme trở nên rất uyên bác.

Yết Kiến Nhà Vua

Nhà vua ra lệnh cho Machig và gia đình cô tới trình diện. Mọi người rất kinh hãi với kích động to lớn. Toàn thể gia đình gồm cả thầy hai mươi lăm người đến yết kiến. Đức vua đã nghe những câu chuyện về đứa trẻ kỳ diệu và ban cho họ một bữa tiệc lớn. Sau đó họ dự cuộc tiếp kiến. Trong buổi tiếp kiến Bum Cham quý phái lo lắng đến nỗi bà chỉ có thể trả lời cụt ngủn những câu hỏi của nhà vua.

Những người xung quanh vua nói: “Đứa trẻ này không bình thường. Vì nó có ba con mắt.” Vua hỏi cô có biết đọc và viết không? Cô nói rằng biết. Vì thế ngài yêu cầu cô đọc bản văn “Sự Thâu Thập Cao quý” trước mặt nhiều người uyên bác. Sau khi đọc xong. Họ hỏi cô có hiểu những gì đang đọc không? Cô nói là hiểu thì họ hết sức cảm kích và nói cô hẳn là một Hóa thân của Dakini Trí tuệ. Đức vua nhìn thật kỹ thấy chữ “**Ah**” trên trán cô và những dấu hiệu khác trên thân.

Vua hỏi tên và cô nói: “Người ta gọi tôi là Rinchen Dronme - “Ngọn đuốc Lửa Quý Báu Vĩ Đại” hay Dron Tse hay Adron - “Ngọn Đuốc Của **Ah**”. Đức vua nói: “Nếu cô nói tên “Dtonme” - “Ngọn Đuốc Cháy” và tên nơi cô sinh ra - “Lab” sẽ thật tốt lành”. Tất cả những học giả, tu sĩ, ni cô và Bumme chị của cô đều đồng ý, đó là sự nối kết tuyệt vời. Vì thế sau đó cô được gọi là Labdron - “Ngọn Đuốc Xứ Lab” và mọi người ở khắp nơi đều tin tưởng, yêu mến cô.

Nhà vua lấy những quần áo cũ của cô và giữ chúng (35). Sau đó ban cho cô những quần áo mới tuyệt đẹp. Đức vua ban cho gia đình ba con ngựa, thực phẩm. Ba mươi cuộn vải len và nhiều vật dụng khác. Vua bảo cha mẹ cô cho cô tránh xa những người làm điều xấu nếu không cô sẽ bị nhiễm. Nếu họ chăm sóc cẩn thận thì cô có thể giúp đỡ cho người Tây Tạng.

Trì Tụng

Kinh Bát Nhã Ba La Mật

Sau đó Machig cùng mẹ và chị đi Namso Tsomer - “Những Hồ Thượng và Hạ” ở Lhokha, Tây nam tỉnh U. Họ ở đó trong năm năm, trì tụng kinh Bát Nhã Ba La Mật (36) như được đức Phật ban cho. Khi Machig mười tuổi, cô có thể đọc bốn quyển Kinh trong một ngày và sau đó mẹ cô mất. Vì thế, chị đưa cô đến gặp Geshe Aton và ngài nói với chị cô: “Em gái con có mọi dấu hiệu của một Dakini. Ta muốn cô ta đọc một quyển Kinh”.

Vì thế cô đọc một bản cô đọng của kinh Bát Nhã Ba La Mật trong khoảng thời gian dùng để xay bốn ký Tsampa (khoảng nửa giờ). Geshe Aton sửng sốt, bởi ngay cả những học giả xuất sắc nhất còn đọc chậm hơn nhiều và so với những người bình thường thì họ đọc nhanh hơn gấp sáu lần. Vì thế, ngài nói sẽ giảng ý nghĩa Kinh cho hai chị em. Họ ở đó ba năm và ngài giảng cho họ Sáu Ba La Mật, Mười Cấp độ (Thập địa) (37) của Con đường Bồ Tát và Năm Con đường (38). Khi kết thúc, cô hoàn toàn hiểu rõ những điều này. Thậm chí còn hơn cả vị Thầy.

Khi đó, Geshe Aton bảo ngài đã dạy cô tất cả những gì ngài biết và cô nên đi tới tỉnh Yoru Drathang đến nơi gọi là Dra. Ở đó cô sẽ tìm thấy một Lama toàn trí (39) là vị rất uyên bác cùng với nhiều tu sĩ. Cô nên tu học với ngài. Đến khi mười sáu tuổi, cô đi tới Lạt ma Dra cùng với chị. Vị Lama hỏi người chị: “Có phải cô gái này đọc rất giỏi?”. Cô trả lời: “Vâng, đúng vậy”. Vị Lama nói: “Chúng ta sẽ so sánh cô ta với người tụng đọc chuyên nghiệp của riêng ta”(40). Người đàn ông này đọc nhanh hơn mức độ trung bình sáu lần. Nhưng khi ông ta hoàn tất bốn quyển thì cô đang đọc quyển thứ mười hai. Vị Lama rất ngạc nhiên và nói: Ít nhất cô giỏi gấp đôi người của ngài và bây giờ cô phải là người tụng đọc của ngài.

Bumme nói với Lapdron: “Chúng ta sẽ đạt được những năng lực và đi tới cõi trời của Dakini chứ?”. Cô trả lời: “Em sẽ không đi bây giờ. Em phải giúp đỡ tất cả chúng sinh. Nhưng nếu chị muốn đi chị có thể thiền định và tự đi đến đó. Em sẽ đến sau khi đã hoàn tất công việc của em cho chúng

sinh”. Vì thế, Bumme ra đi và thiên định trong ba năm rồi chết không để lại thân xác.

Lama Dra là bậc toàn trí. Với linh kiến thấu suốt đã nhận ra rằng Machig là một đệ tử có thể giúp đỡ những người khác. Ngài ban cho cô quán đảnh của tất cả những giáo lý Bát Nhã Ba La Mật và giải thích ý nghĩa của từng chữ thật thấu đáo và sâu xa. Cô đã thành tựu sự chứng ngộ và hiến dâng sự chứng ngộ cho Lama và ngài rất hoan hỉ. Ngài nói: “Con có thể tụng đọc những bản văn tụng trong tâm khảm. Và con đã thông suốt sự thực hành. Ta không có khả năng này. Đối với ta nó thật khó khăn”.

Sau đó ngài ban cho cô một mũ gấm đỏ thêu kim tuyến năm màu ở phía sau. Ngài cũng ban cho nhiều quần áo và giày mới. Ngài làm một chỗ ngồi gồm ba tấm nệm (43) có trải thảm mới và bảo cô ngồi. Sau đó, Lama và mọi người tán thán và gọi cô là “Ni cô Mũ nhỏ”. Ngài yêu cầu cô ở lại bốn năm và làm người tụng đọc cho tu viện của ngài. Cô đồng ý. Mặc dù ăn mặc rất đẹp nhưng cô không thích đi ra phố và muốn ở tu viện với Guru. Cô ân cần đối với tất cả tu sĩ và họ tin tưởng ở cô.

Sự Nhập Môn

Mọi người bàn luận về một vị thầy Ấn Độ tên là Phadampa Sangye (44). Vị này đang hỏi thăm về một học giả Ấn Độ xứ Potari sinh tại Tây Tạng với cái tên Lapdron. Ngài đang cố gắng tìm, bởi ngài có một linh kiến về cô. Đêm hôm đó cô có một giấc mơ. Trong đó một Dakini màu trắng xuất hiện và nói với cô: “Một đạo sư Ấn Độ da đen đang đến gặp cô”. Lapdron hỏi: “Vị Sadhu (45) này là ai?” Dakini trả lời: “Ngài tên là Phadampa”.

Khi thức dậy, cô nghĩ: Mặc dù đây là một giấc mơ nhưng có lẽ nó là sự thực. Khi cô đi ra ngoài cô gặp Phadampa và bắt đầu lễ lạy ngài. Nhưng ngài ngăn cô lại. Thay vào đó họ cụng trán nhau (46). Cô nói: “Việc ngài có mặt ở đây thật hết sức kỳ diệu”. Ngài trả lời: “Cô ở đây, sinh ra tại Tây

Tạng còn kỳ diệu hơn nữa”. Cô hỏi: “Con có thể giúp đỡ chúng sinh không?” Ngài trả lời:

“Hãy sám hối những lỗi lầm ản dáu của con!,

Hãy đến gần những gì con thấy ghê tởm!.

Bất kỳ ai con nghĩ là không thể giúp, Hãy cứu giúp họ!

Bất kỳ điều gì con vướng mắc, Hãy buông bỏ nó!.

Hãy đi đến những nơi làm con sợ hãi như những nghĩa địa!.

Chúng sinh thì vô hạn như bầu trời; Hãy tỉnh giác!.

Hãy tìm ra vị Phật trong con!

Trong tương lai;

Giáo lý của con sẽ chói ngời như mặt nhật chiếu sáng bầu trời!”

Sau khi chỉ dạy cho cô như thế, ngài lên đường. Cô trở lại tu viện và tiếp tục đọc các kinh điển. Một Lama tên là Kyo Zur Panchen Shakya Jung có người anh là Sonam Drapa. Một đạo sư về tất cả các Tantra và Kinh điển và có nhiều tu sĩ đi theo ngài. Đích thân Sonam Drapa đến gặp Machig. Ngài cảm thấy buồn vì thiếu sự thực hành Pháp chân thực ở Tây Tạng. Ngài nhìn thấy nhiều người giả bộ thực hành Pháp. Thực ra họ đang nghĩ tưởng đến những chuyện thế tục. Ngài nói với Machig: “Con rất uyên bác về Bát Nhã Ba La Mật. Nhưng con có hiểu chân nghĩa (47) của nó không?”. Cô trả lời: “Con có hiểu”. Ngài nói: “Vậy hãy giảng cho ta.”. Cô giải nghĩa mười cấp độ của con đường Bồ Tát và cách thực hành năm con đường của Bồ Tát. Cách thực hành thiền định. Cô giảng nghĩa chi tiết tất cả những vấn đề này.

Ngài nói: “Rõ ràng là con rất thông tuệ. Nhưng dường như con không làm cho giáo lý trở thành một bộ phận của con. Mọi sự con nói đều đúng. Nhưng điều quan trọng nhất là: Cần nhận ra, nếu tâm không bám chấp. Con sẽ nhận ra trạng thái tươi mới của sự hiện hữu. Nếu buông bỏ sự dính mắc. Trạng thái siêu vượt mọi ý niệm sẽ phát sinh. Khi ấy ngọn lửa Prajna vĩ đại

sẽ phát triển. Sự vô minh tăm tối của tánh chấp ngã sẽ bị điều phục. Giáo lý gốc là để khảo sát sự chuyên động tâm thức riêng con. Hết sức cần trọng. Hãy làm điều này!” (48). Nói xong vị Lama ra đi.

Cô thực hiện như lời ngài dạy. Đọc lại những quyển sách trong ánh sáng của những gì ngài đã nói. Khi đọc, cô tình cờ gặp một đoạn tên là Du kyi Leu nói về bản tánh của quỷ ma. Cô bị ảnh hưởng bởi giáo lý này. Qua nó cô đạt đến sự hiểu biết vững chắc. Cô thoát khỏi sự nhị nguyên tầm thường và con quỷ ái-ngã. Mặt trời Prajna (trí tuệ) xuất hiện cùng cố sự thấu suốt. Không có điều gì làm cho một con người hay sự vật hiện hữu. Khi ấy cô thoát khỏi những bám chấp vi tế nhất của sự ái-ngã (49).

Như dấu hiệu của việc giải thoát khỏi sự bám luyến,

Cô ngưng mặc quần áo đẹp và dùng những y phục;

Ngay cả những hành khất cũng vứt bỏ.

Như dấu hiệu của việc giải thoát khỏi các bạn bè,

Cô sống với những hành khất là những người có hình dạng xấu xí;

Trước đây cô chỉ kết giao với các vị Thầy và những tăng ni.

Như dấu hiệu thoát khỏi sự bám luyến vào

những nơi chốn tiện nghi đẹp đẽ,

Cô sống ở khắp mọi nơi.

Trước đây cô chỉ sống trong những tu viện

hay những căn lều nhập thất,

Nhưng bây giờ cô ở khắp nơi.

Thậm chí cả trong nhà những người cùi.

Trước đây cô chỉ đến những nơi đáng lưu ý;

Như nhà cô hay những nơi các vị thầy ở.

Bây giờ cô lang thang khắp nơi.

Đây là dấu hiệu của việc thoát khỏi sự bám luyến vào các nơi chốn (50).

Trước đây cô chỉ dùng đồ ăn ngon;

Bây giờ cô ăn bất kỳ thứ gì trừ thịt.

Đây là một dấu hiệu cô thoát khỏi sự tham luyến thực phẩm.

Trước đây cô sung sướng được người ta khen ngợi,

Bây giờ cô thản nhiên trước những lời tán thán.

Cô không một mảy may buồn bã;

Cô kinh nghiệm nỗi khổ và sự lo âu một cách thản nhiên.

Mọi nỗi khổ và vui, xa và gần, thương và ghét,

Được kinh nghiệm như “một vị” (51);

Trong không gian của mọi sự như chúng thực là.(52)...

Vào lúc này cô vẫn ở tu viện của Lama Drapa. Cô đã hứa với ngài ở lại bốn năm. Giờ đây thời gian bốn năm đã hết và cô khẩn cầu sự nhập môn. Nhưng Lama Drapa nói rằng: “Ta sẽ không ban cho con quán đảnh này. Tốt hơn con nên đến Lama Sonam (53). Bởi trong đời trước con đã cầu nguyện được gặp lại ngài. Giờ đây không còn chướng ngại nữa. Con được tiên đoán là sẽ đạt được những thành tựu”.

Vì thế, ngài cho cô lên đường với một miếng thịt Yak (54) lớn. Một mảnh vải lớn màu đỏ sẫm để làm vật cúng dường cho Lạt ma Sonam. Cô về thăm quê hương trước và anh Sakya Gyaltsen cho cô ba mươi bao lúa mạch cũng như thịt và vải len để làm lễ phí quán đảnh (55). Cô mang tất cả những món đó đến Lama Sonam nói với ngài: Lama Dra gọi cô tới để xin ngài ban cho lễ nhập môn.

Ngài có thể nhận ra cô có năng lực để giúp đỡ người khác. Nên đồng ý ban cho cô các lễ quán đảnh. Cô nhận lãnh cùng bốn người bạn thuộc dòng của Phadampa Sangye. Họ nhận những lễ quán đảnh vào bốn trạng thái thiên định (56). Và sự giới thiệu vào tánh Không nền tảng của mọi sự qua ví dụ của bầu trời (57). Khi ngài ban quán đảnh Mahamay (58) thì trời đã khuya và những vì sao bắt đầu mờ nhạt. Tức thì ngài đạt đến điềm chuyển di trí tuệ (59). Machig nâng thân mình lên khỏi mặt đất vài foot (1 foot=0,3m). Bắt đầu thực hiện hai mươi bốn vũ điệu Dakini an bình (60) và giảng dạy bằng tiếng Phạn.

Cô đi vào trạng thái toàn khắp của sự thiên định kiên cố sâu xa. Không thể hủy diệt như chúng là... (61). Đi xuyên qua bức tường của phòng thờ và bay vào cây Serlag trên ao có một Naga thật khủng khiếp. Naga này trông ghê gớm tới nỗi không ai dám nhìn vào ao. Nhưng Machig sống ở đó trong sự thiên định sâu sắc. Naga giận dữ và hơi hoảng sợ. Vì thế, ông gọi đội quân quỷ ma và họ tạo ra nhiều huyễn tượng để đuổi cô đi. Thay vì sợ hãi, cô cúng dường thân thể cho họ. Nhưng họ không thể ngấu nghiến bởi cô vô ngã.

Vì thế, họ phát triển lòng tin cúng dường cô trái tim của họ và bảo vệ tất cả những người trong dòng của cô. Sau đó Dakini Mahamaya và đoàn tùy tùng xuất hiện. Ban cho cô sự truyền dạy trực tiếp (64) bốn quán đảnh trong khi vẫn ở trên bầu trời trước mặt. Mahamaya tiên đoán những chúng sinh trong loài người lần phi nhân đều nằm dưới sự điều khiển của cô và cô sẽ chỉ cho họ con đường của Bồ Tát.

Kế đó, một đại dương các Dakini Cakra Sambhava xuất hiện. Ban cho cô lời khuyên sáng suốt. Chư Phật mười phương xuất hiện bảo cô đến nghĩa địa và

những con suối. Không sợ hãi và phát triển mỗi quan tâm tới sự giác ngộ của tất cả chúng sinh. Sáng hôm sau Arya Tara tới và ban cho cô một trăm ngàn quán đảnh để tịnh hóa sự vô minh cùng với tâm yếu.

Ngài nói với Lapdron: “Yogini, con và một Hóa thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Topabhadra từ Tây Tạng đến. Hai người sẽ hợp nhất trí tuệ sâu xa và phương tiện thiện xảo (65). Con sẽ đi đến 108 nghĩa địa cùng các con suối và giúp đỡ chúng sinh. Giáo lý của con sẽ chiếu sáng như mặt trời trong không trung. Những môn đồ của con sẽ là những người đắc quả vị Bất lai”. Rồi bà nói về nhiều vấn đề và ban cho cô lời chỉ dạy cho tương lai. Sau đó biến mất trong Pháp Giới sâu xa của Machig.

Khi những tia sáng đầu tiên buổi bình minh ló rạng. Các bằng hữu của cô và Lama Sonam ra ngoài tìm Machig bởi cô đã bỏ lễ quán đảnh. Họ tìm thấy cô ở trên cây, trần trụi, giải thoát khỏi đau khổ của nghiệp không chút xấu hổ và vượt lên sự ngưng ngừng bối rối (66). Cô lạy Lama và nói: “Những người thực hiện những sự lễ lạy (67) chân thành đối với Lama sẽ được tịnh hóa những ô nhiễm của nghiệp”. Sau đó cô tiếp tục lễ lạy và nói: “Lama là nơi nương tựa để thoát khỏi đau khổ”. Các bằng hữu của cô nói rằng cô bỏ lễ quán đảnh. Nhưng Lama nói: “Tất cả quý vị chỉ có quán đảnh tương đối. Thiếu nữ này đã nhận quán đảnh Pháp tánh tuyệt đối”. Sáng hôm sau, Machig cúng dường một Mandala và khấn cầu lễ quán đảnh, cô nói:

“Mandala bên ngoài và bên trong là

bốn đại lục và núi Tu di,

Bốn yếu tố (tứ đại) và chúng sinh trong sáu cõi.

Là những châu báu và kho tàng vô hạn,

Đối với những nơi chốn quy y,

Những Bảo vật thiêng liêng;

Guru, Deva và Dakini.

Con cúng dường Mandala bên ngoài và bên trong,

Xin các ngài ban phước cho con.

Đối với quán đánh bí mật,

Con cúng dường Mandala bên trong;

Tự-sinh và tự nhiên của thân ngũ uẩn (68).

Như để Mandala được tịnh hóa,

Tám thức (69) là những tụ cúng dường trên đó.

Nền tảng của sự sống là những châu báu và kho tàng,

Đối với nơi chốn quý y,

Những Bảo vật thiêng liêng;

Guru, Deva và Dakini.

Con cúng dường Mandala của thân bên trong,

Xin các ngài ban phước cho con.

Đối với quán đánh thuộc về Ngã,

Con cúng dường Mandala Pháp tánh bí mật.

Trạng thái tỉnh giác quang minh là nền tảng được tịnh hóa,

Sự chứng ngộ không ngừng nghỉ là những tụ cúng dường.

Khi sự quang minh và tánh Không hợp nhất đó là Đại Lạc,

Đây là những châu báu và kho tàng.

Đối với những nơi chốn quy y,

Những Bảo vật thiêng liêng.

Đối với Lama, Yidam và Dakini;

Con cúng dường Mandala Pháp tánh Bí mật.

Xin các ngài ban phước cho con!”.

Sau khi cô thực hiện sự cúng dường Mandala (70). Lạt ma Sonam ban cho cô tất cả bốn quán đảnh và giảng dạy đầy đủ mọi sự. Machig hấp thụ và hợp nhất mọi sự nơi mình. Cô phát khởi niềm tin lớn lao vào Lama. Sau đó từ Lama Sha Marpa cô nhận Năm pháp của Maitreya (71). Ngài dạy cô toàn bộ giáo khóa Bồ đề tâm (72) và dạy cô cách thức chuyển hóa âm thanh (73).

Từ Lama Beton cô nhận lãnh những giáo lý truyền khẩu Dzogchen (74). Cô thực hành những giáo lý này và trở nên tinh thông. Từ Lạt ma tên là Yertingpa cô nhận giáo huấn trực chỉ Mahamudra (75) (Đại ấn) và Sáu pháp Yoga của Naropa (76) cũng như những giáo lý Vajra Varahi và Mandala Kalachakra (77). Mọi thứ về những bài ca của Mahamudra, các Doha (78). Sau đó, cô nhận lãnh những giáo lý ba Yana (79) (thừa) cao nhất và ghi khắc trong tâm.

Cô trở lại với Lama Dra và nghiên cứu thấu đáo năm Pháp Maitreya. Ngài khuyên cô đi miền Trung Tây Tạng. Vì thế cô du hành. Khi đến Lhasa có ngôi điện gọi là Jowa (80). Khi cô cúng dường trong điện, những cầu vồng và âm nhạc xuất hiện trong bầu trời lộng lẫy cùng một trận mưa hoa và nhiều dấu hiệu tốt lành khác. Mọi người tin tưởng Machig và lắng nghe cô giảng dạy.

Khi đến Dratang ở đó cô gặp Phadampa. Lúc đó đang ở Penyul Nyiphug. Ngài đến để gặp cô, sau khi được Dakini cho biết cô ở đâu. Ngài gặp khi cô đang thực hiện cuộc hành hương tới một vài thánh địa của địa phương. Khi nhìn thấy Phadampa, cô lễ lạy ngài và nói: “Xin chỉ dạy cho con làm cách nào để giải thoát chúng sinh”. Phadampa trả lời:

*“Cô, hiện thân của Bốn Prajna (81),
Cô là huyền thân của Dakini Bà Mẹ Vĩ Đại!*

Cô mở cánh cửa ba giải thoát! (82),

Bậc điều phục mọi quỷ ma!

Lapdronma,

Bản thân ta cùng mọi thiên nữ và chư thiên đánh lễ cô!

Ta cúng dường dưới chân cô!

Thiện xảo của những thành tựu và lòng bi mẫn của cô!

Nhờ cô những chúng sinh bất tịnh sẽ được giải thoát!

Nhờ cô những thế hệ mai sau sẽ tu học những giáo lý này!”

Sau đó, Machig và hai bạn là Jomo Kargoma và Jomo Chotso nhận từ Phadampa nhiều giáo lý: Quán đảnh Pháp Luân của Bốn Trọng thái Thiên định (83). Giáo lý Cách Mở Cánh Cửa Đi Vào Bầu trời bằng sự chuyển di (84). Những giáo lý Lapdron xuất phát từ phái Zhibyed (85). Những giảng dạy về sáu phương pháp cúng dường thân (86). Sự thực hành “**Hum**” trong truyền thống Zhibyed (87). Giáo lý đỏ (88). Ba giáo lý thực hành “**Phat**” (89). Giáo lý Những Hoa Sen Xanh (90). Giáo lý Mahamaya (91). Bốn Tôn Nữ Hai Mặt (92). Con đường Sâu Xa của Khagyu Guru Yoga. Sự Thực hành Chuyển di vĩ đại (93). Các giáo lý về Huyền Thân, Giác Mộng và Bardo (94) (thời gian giữa những sự sinh ra). Tám Giáo lý về pháp Chod tuyệt mật xưa kia được thực hiện trong một mộ địa vĩ đại (95). Họ nhận lãnh mọi sự và không còn điều gì nữa để ban cho. Cô ghi khắc những điều đó vào tâm khảm.

Sau đó, cô tán thán Phadampa Sangye: “Người cha thấu biết, thấu suốt mọi sự. Trưởng tử của chư Phật Ba Thời. Bậc Bảo hộ của tất cả chúng sinh. Con lễ lạy huyền thân của ngài”. Sau khi tán thán những lời này cô ở đó trong ba

năm. Cô ở trong miền của cha cô trong sáu tháng. Vào lúc đó Phadampa Sangye nói:

“Bậc điều phục Quỷ Ma Kim Cương (96),

Dakini siêu việt Prajna Vĩ Đại.

Mẹ của chư Phật trong Ba Thời,

Dakini Trí tuệ Vĩ Đại.

Dakini Prajna Trí tuệ Bí Mật,

Suối nguồn của mọi Hóa Thân của Dakini trí tuệ.

Vajra Varahi,

Trong Trạng thái Nhập định Siêu Việt cao cả (97).

Dakini Chính yếu của sự Như Thị Vô Ngã,

Bậc cai quản Dakini Sắc Chàm Hung nộ.

Ngài là Pháp giới Nguyên Sơ Bất Biến,

Ngài bao la rộng lớn như bầu trời.

Nhưng bởi lợi lạc của tất cả chúng sinh;

Và do những lời cầu nguyện của họ.

Ngài sinh ra ở Ấn Độ trong thành Serkya,

Là nam tử của Ratsa Shri Shora Ari được gọi là Monlam Drub”.

Có một tiên tri trong bản văn cổ nói rằng: Trong thời kỳ Kali Yuga (98). Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, sẽ có nhiều bất đồng ý kiến về những giáo lý của đức Phật. Vào lúc đó, trong xứ Tuyết Miền Bắc (Tây Tạng). Một Hóa thân Bà Mẹ của chư Phật - Dakini Pháp thân được gọi là Dronme - “Ngọn đuốc Lửa” sẽ xuất hiện để giải quyết những tranh luận này.

Tiên tri khác trong Tantra gốc Manjushri (99) nói rằng: Một thời gian sau khi đức Phật tịch diệt trong thời đại Kali Yuga. Khi sự vô minh hiển lộ rất nhiều. Một Hóa thân của Tâm Prajna (Bát Nhã) Vĩ Đại tên là Lapdronma sẽ xuất hiện ở Xứ Tuyết Miền Bắc. Bà sẽ giảng dạy ý nghĩa của tâm yếu vô sinh (100).

Phadampa nói: Cô sẽ thiền định trong những thị trấn, thành phố, núi non, nghĩa địa và giáo lý của cô sẽ truyền bá rộng rãi. Cô sẽ nhận ra bốn Dakini Phi Phật Giáo đang dự kiến sinh ra để thôn tính Tây Tạng. Vì thế, cô sẽ hiển lộ bốn Dakini để chinh phục họ và giúp đỡ chúng sinh. Vị đầu tiên trong các Dakini Phật giáo là Machig Zama xứ Latho. Bà làm lợi lạc chúng sinh bằng giáo lý Lamdre (101). Vị kế tiếp là Camtro Chungma xứ Tritsham. Bà làm lợi lạc chúng sinh bằng pháp Dzogchen. Vị thứ ba là Sheldza Dromnema, làm lợi lạc chúng sinh bằng những biểu hiện Mahamudra (102). Vị thứ tư thuộc xứ Lablung được gọi là Labdron, bà làm lợi lạc chúng sinh bằng giáo lý cúng dường thân và máu để chế ngự bốn quỷ ma. Bốn Dakini Phi Phật giáo là: Barwa Garmo xứ Barpu, Chomo Namkha xứ Tholung, Shalmo xứ Tsang và Zhangmo Lhatri xứ Lading. Các Dakini Phi Phật Giáo đã chinh phục tất cả và chuyển hóa họ thành các Dakini Trí tuệ có thể làm lợi lạc chúng sinh.

Khi Machig mười ba tuổi mẹ cô lìa bỏ thế gian vào chiều kích bao la của không gian. Khi cô mười sáu cha cô mất và tái sinh ở Ấn Độ, cứu giúp nhiều chúng sinh. Khi cô hai mươi tuổi chị cô ra đi không để lại thân xác và đi vào xứ sở của các Dakini để gặp mẹ. Anh cô là Sakya Gyaltsen trở nên rất uyên bác. Một đạo sư trong việc tranh luận và thực hành thân chú. Ông có những dấu hiệu của sự thực hành trong thân thể (103). Em trai cô Pal O Tride trở thành một viên chức tiếp nối thân phụ và phụng sự những sự

ngiệp của đức Phật. Việc Machig trở về Sonam Dargye chấm dứt phần đầu tiên trong cuộc đời cô.

Phần 2

Cuộc Hôn Nhân

Với Topabhadra

Phần thứ hai cuộc đời Machig miêu tả về những gì cô đã thành tựu. Lama Dra có hai người bảo trợ: Một phụ nữ giàu có Lhama Dronma và chồng bà. Họ khẩn cầu ngài cho Machig đến đọc kinh Bát Nhã Ba La Mật tại nhà và để đáp lại họ sẽ cúng dường cô bất cứ những gì họ có thể. Lama đồng ý và bảo Lapdron: “Hãy đi ở với họ trong một tháng và đọc Kinh Bát Nhã Ba La Mật ba mươi lần. Họ sẽ hiến cúng cho cô tiền của”. Cô kiểm tra lại với Lama Sonam, ngài nói: “Cô nên đi. Cô có liên hệ tích cực với những người này từ các đời trước”.

Bởi được cả hai vị thầy khuyên đi nên cô quyết định lên đường. Sau đó, ngay đêm ấy cô có giấc mơ một Dakini đỏ có một mắt trên trán. Dakini này nói: “Ngài Topabhadra người Ấn Độ và cô - Yogini nên làm sự hợp nhất - Phương tiện thiện xảo và trí tuệ sâu xa. Điều này sẽ làm lợi ích chúng sinh và củng cố sự chứng ngộ của cô” (104).

Vào sáng sớm Dakini nhỏ màu xanh dương xuất hiện và nói: “Cô nên hợp nhất với Topabhadra - Điều này sẽ tạo nên một dòng truyền thừa và làm cho giáo lý được lan truyền. Cô sẽ siêu vượt mười địa của con đường Bồ Tát”. Rồi họ biến mất. Kế đó bảy phụ nữ màu trắng xuất hiện và nói: “Cô có mối liên hệ tốt đẹp với Topabhadra. Đừng xấu hổ, hãy hành động đi!”. Cô nghĩ trong giấc mơ: “Đây là một tiên tri hay mưu mẹo của những tinh linh xấu?”.

Nhưng khi cố gắng hỏi Dakini thì bà đã biến mất. Sáng hôm sau vào lúc bình minh, cô thấy một thiếu nữ màu trắng cõi con la trắng tiến lại gần. Cô ta nói: “Ngài Machig - Dakini Trí Tuệ Bí Mật Vĩ đại. Bạc Điều Phục Quỷ Ma Kim Cương. Người đàn bà Vĩ đại đã được mời thỉnh!”. Machig nói: “Cô từ đâu đến và là ai?”. Cô gái bước xuống đánh lễ nói: “Thưa Bạc Điều Phục Quỷ Ma Kim Cương - Dorje Dudulma. Thủ lĩnh của các Dakini Trí Huệ Bí Mật! Tôi đến đây là bởi Topabhadra yêu cầu đến đưa ngài đi”. Machig hỏi: “Topabhadra là ai và ông ta thuộc dòng nào?”.

Cô trả lời: “Ông ta là người xứ Ấn Độ, ở nơi gọi là Kosala. Cha thuộc gia đình Sakya và ông được gọi là Ratna Siddhi. Mẹ là Samati. Lama chính là Hóa Thân từ chiếc sọ của đức Phật. Vì thế, tên ông có nghĩa như vậy. Bên ngoài, ông đã học tất cả các Kinh điển. Bên trong, ông thành tựu mọi Tantra và đạt được năng lực của Chakrasambhava. Ông là một Yogi thành tựu. Hiện nay ông đang ở Ehchung xứ Tây Tạng và phái tôi mời thỉnh ngài đến đó. Xin cùng tôi cưới con la này”.

Sáng sớm hôm sau, họ lên đường. Khoảng giữa trưa thì đến Selrong - “Làng Thanh khiết” gặp Lama Sherab Bum là người rất uyên thâm Kinh điển vây quanh bởi ba trăm tu sĩ. Ngài đang giảng Bát Nhã Ba la mật. Cô đi đến gặp ngài và vị Geshe (105). Những người thông thái hỏi cô: “Cô có phải là con gái của Dawa Gyaltsen, được gọi là Lapdron - Người sinh ra có ba mắt?” Machig trả lời: “Phải chính tôi”.

Vị Lama nói: “Mọi người nói cô là Dakini vĩ đại rất uyên thâm Bát Nhã ba la mật. Vì thế hãy làm một cuộc tranh luận!”. Cô đồng ý và tranh luận với bảy Geshe xuất sắc nhất. Không ai có thể địch lại. Tất cả những tu sĩ đồng ý rằng cô hẳn là một Hóa thân của Dakini Trí Tuệ như họ đã được nghe. Họ mời cô đến yết kiến Sherab Bum, nhưng phải chờ khi họ chuẩn bị.

Sau đó hai mươi lăm tu sĩ đi ra ngoài chơi những nhạc khí, mang nhang trầm và hộ tống cô đến Sherab Bum là bậc xuất hiện trong thân tướng của Manjushri đỏ (106). Khi cô bắt đầu lễ lạy, ngài ngăn cô lại và đứng lên nói: “Machig Lapdron, lại đây!”. Gần đó họ đã xếp chồng ba tấm đệm và mời cô lên ngồi. Khi Lama nhìn cô, ngài thấy đức Tara trắng và các ngài thảo luận

một chút về giáo lý của đức Phật. Sau đó, Machig xin ngài ban cho cô một vài giảng dạy giáo lý. Lama nói: “Tôi không có giáo lý nào mà cô không biết”.

Machig đáp: “Điều đó không thành vấn đề; để thực hiện mối liên hệ Pháp. Bất kỳ giáo lý nào cũng tốt”. Vì thế ngài dạy cho cô thập nhị nhân duyên (107) trong mười hai ngày. Cô nhận ra đây là những giáo lý thích hợp và tất cả Pháp xuất hiện như kết quả tốt lành. Sau đó cô đi đến Echung. Khi đến cô leo lên mái nhà người bảo trợ. Từ đó cô nhìn thấy một Yogi có nước da nâu với đôi mắt đỏ ngầu đang thực hiện sự tự quán đánh trong Mandala Cakra Sambhava. Ông hỏi cô bằng tiếng Ấn Độ: “Cuộc hành trình của cô có mệt không?”. Cô trả lời: “Yogi, ông có làm lần không khi từ Ấn Độ qua đây?”.

Khi nói điều này cô quay lại đi đến phòng thờ bắt đầu đọc Kinh Bát Nhã Ba La Mật. Trong thời gian cô ở đó, đôi khi họ thảo luận về Pháp và Topabhadra kể cho cô những câu chuyện về Ấn Độ. Sau khi ở đó mười bảy ngày, khoảng mười một giờ đêm ngày mùng tám theo lịch Tây Tạng, họ gặp nhau, cùng hợp nhất trí tuệ sâu xa và phương tiện thiện xảo. Vì họ hiện diện, nên căn phòng tràn đầy một ánh sáng cầu vồng chói lọi.

Bà Lhamo Dron, chủ ngôi nhà Machig đang ở. Nhìn thấy ánh sáng, sợ những ngọn đèn bơ trên bàn thờ làm cháy nhà nên lên gác để xem chuyện gì xảy ra. Khi mở cửa bà không thấy gì ngoài một căn phòng ngập ánh sáng và những khối cầu ánh sáng đỏ và trắng (108), có kích thước của mặt trăng dính sát vào nhau ở giữa phòng và chiếu sáng ngời. Bà ta sợ hãi và rơi vào giấc ngủ sâu. Buổi sáng bà thức dậy và thấy Topabhadra đi ra khỏi phòng của Machig.

Bà ta không vui và xuống thang gác. Nhưng không thuật lại cho bất kỳ ai những gì bà nhìn thấy ngay cả với chồng. Giữ bí mật chuyện đó, bởi bà nhận ra họ không phải là hai người tầm thường. Bà có niềm tin lớn lao nơi họ.

Khi mang thức ăn điếm tâm vào phòng Machig và nói: “Đêm qua tôi thấy cô và Topabhadra. Ông ta quấy rầy cô? Tôi vào phòng cô vì tưởng rằng phòng thờ bắt lửa”. Machig nói với vẻ trêu chọc: “Những tiên tri bình thường được tạo nên bởi những quỷ ma quỷ quyết. Khi một người đàn ông và một người đàn bà gặp gỡ nhau; đây là bởi những nguyên nhân thuộc về nghiệp. Bà bị quỷ ma săn đuổi, làm sao việc này có thể làm lợi lạc chúng sinh?”.

Bảy ngày sau, Topabhadra đi hành hương và Machig tiếp tục đọc Bát Nhã Ba La mật. Khi cô chấm dứt, những người bảo trợ cúng dường cô nhiều thứ và hộ tống cô trở về chỗ Lama Drapa. Lhamo Dron. Sau đó Lạt ma Drapa, vị thầy của Lapdron bảo cô ở với Topabhadra. Bởi điều đó có lợi cho chúng sinh và cô không có lý do gì để buồn. Rồi cô đi đến Lama Sonam với nhiều món cúng dường và thuật lại cho ngài về việc gặp gỡ Topa tại Ehchung. Ngài nói: “Cô không làm gãy bể bất kỳ giới nguyện nào. Topabhadra không thuộc một dòng truyền thừa xấu. Vì thế, hãy lấy ông ta. Tạo dựng một gia đình và lập nên dòng truyền thừa của cô. Cô phải sống với ông ta: Cô có một liên hệ nghiệp và đó là những dấu hiệu tốt. Nó sẽ giúp đỡ nhiều chúng sinh. Đêm qua ta có một giấc mơ lành về cô. Ta thấy tương lai của cô. Giờ đây là một thời điểm tốt lành để quý vị sống chung”. Cô nhận thêm những giáo lý cùng tiên tri và quyết định sống với Topabhadra.

Vì thế, khi Machig hai mươi ba tuổi cô đi với Topabhadra đến miền Trung Tây Tạng. Đến năm hai mươi bốn tuổi cô sinh một đứa con trai. Cô gọi nó là Drubpa, có nghĩa là “Được đáp ứng”. Bởi với đứa bé trai này, mọi tiên tri đã được đáp ứng. Những người dân trong vùng bắt đầu bàn tán về cô. Họ nói cô từng là một ni cô xuất sắc nhưng bây giờ đã sa ngã. Vì thế, gia đình Machig quyết định di chuyển đi nơi khác. Họ đi Dragpo và ở một nơi gọi là Nyangpo.

Năm cô hai mươi lăm tuổi lúc họ ở Konpo, cô có một con trai thứ hai tên là Drub Se. Họ cũng gọi nó là Kongpa Kyab có nghĩa: “Nơi Nương tựa Konpo”. Năm ba mươi tuổi, họ di chuyển tới Nalai Dradolgo - “Năm Ngọn đèo trên đỉnh Dol tuyệt đẹp”. Một địa điểm trong tỉnh Lho Kha và hạ sinh

một bé gái tại đây. Họ gọi nó là Drub Chungma - “Cô gái nhỏ Thành tựu”. Họ nghĩ rằng cô là một Dakini và cũng đặt tên cho nó theo nơi sinh, gọi nó là Laduma - “Cô gái đến từ đèo núi”.

Trở Về Với Các Lama

Khi Machig ba mươi bốn tuổi, họ đi tới Panyul Langtang. Một thung lũng ở miền bắc Lhasa. Năm cô ba mươi lăm tuổi, sau khi nhận những tiên tri từ các Dakini. Cô có vẻ nhàm chán Sinh tử, để lại chồng và ba con ở đó, cô đi đến Lab để gặp hai vị Lama của cô (109). Cô thỉnh cầu Lama Sonam quán đánh năm Thiên nữ của Trái tim Vajra Varahi (110) và trước buổi lễ cô hát bài ca:

“Con đánh lễ;

Tất cả những Lạt ma;

Đưa vào trạng thái tự-tĩnh giác của trí tuệ nguyên sơ.

Con đánh lễ;

Các Deva và Bốn Tôn ban những năng lực.

Con đánh lễ

Chư Phật biểu thị điều gì cần làm và những gì nên bỏ.

Con đánh lễ;

Giáo pháp giải thoát khỏi sự bám luyến.

Con đánh lễ;

Tăng đoàn thật lợi lạc trong việc cúng dường.

Con đánh lễ;

Các vị Hộ Pháp tẩy trừ những chướng ngại.

*Cho đến khi đạt được giác ngộ,
Con sẽ cầu nguyện tất cả các Ngài!
Con cúng dường năm lạc thú giác quan,
Con từ bỏ mọi hành động tiêu cực.
Xin xoay chuyển Pháp Luân!
Xin đừng thị tịch.
Và cầu mong bất kỳ công đức nào có được
Sẽ được ban truyền cho tất cả chúng sinh!”*

Lạt ma Sonam cảm thấy hoan hỷ và ban cho cô tất cả các quán đảnh và công nhận cô là một Dakini. Sau đó, cô thực hành quán tưởng của Dakini. Thực hành tất cả các giáo lý Kim Cương thừa và có thể đọc, viết, thảo luận những giáo lý này. Rồi ngài ban cho cô danh hiệu bí mật là: Dorjeying Phyugma - “Người đàn bà giàu có trong Pháp giới Bất Hoại”. Sau đó, cô đi đến Lama Dra, trình bày cho ngài sự hiểu biết của cô về mười hai nhân Nidhana (Thập nhị nhân duyên). Lama trả lời: Cô là một Dakini vĩ đại, là người khó gặp và thật hiếm hoi. Ngài nói cô là một nữ Siddha (111) vĩ đại.

Sau đó cô xin ngài ban cho những giới nguyện Bồ tát. Ngài nói: “Cô không cần những giới nguyện Bồ tát hay năm giới luật. Cô là một nữ hành giả Pháp vĩ đại và Mẹ của tất cả chư Phật và Bồ Tát. Cô đã thành tựu sự thấu suốt về các Kinh điển và cô có con mắt lớn. Cô là bà mẹ nhân từ nhất đối xử với tất cả chúng sinh như con ruột của mình. Cô là Bà Mẹ Vĩ Đại - Kho tàng của tất cả các Pháp. Cô không cần giáo lý Bồ đề Tâm. Ta như một vì sao bên cạnh mặt trăng nhưng ta là Thầy cô. Vì thế như một dấu hiệu tốt lành ta sẽ ban cho cô những giới nguyện này.”. Khi Lama truyền giới, cô thấy ngài là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bên phải ngài là đức Manjushri (Văn Thù), bên trái là đức Avalokitesvara (Quán Thế âm) và đức Vajrapani (112) (Kim Cương Thủ). Trước mặt ngài cô đảnh lễ và nói:

“Thân tướng đức Phật thì chói ngời như vàng ròng;:

Bậc Thủ lãnh thấu suốt mọi sự, Con đánh lễ ngài.

Đức Manjushri, Ngài trẻ trung với những dấu hiệu thành tựu;

Con đánh lễ ngài.

Đức Vajrapani, Bậc hủy diệt những quỷ ma vĩ đại và mạnh mẽ;

Con đánh lễ ngài.

Người ta phải thấy được;

Sự bất khả phân chói ngời giữa Lama và đức Phật.

Đức Avalokitesvara, Một mặt và hai tay eo nhỏ, toàn trắng.

Cùng ánh sáng trắng không ngừng xuất hiện,

Thân Ngài tràn đầy ánh sáng.

Đức Manjushri, Với thanh kiếm màu xanh da trời chiếu sáng;

Cùng năm màu sắc chỉ vào như thể giết con.

Đức Vajrapani, Bậc hủy diệt những tinh linh chướng ngại

với chày kim cương đen;

Tỏa ra những tia sáng có hình dạng những chiếc chày nhỏ”.

Khi nhìn thấy những hình ảnh này, cô nhận những giới nguyện Bồ Tát và Upaseka (năm giới của cư sĩ). Lama Dra khuyên cô đi đến Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ - Zangri Khangmar. Cô nói: “Trước tiên con muốn đi thăm ngài Phadampa. Sau đó, con sẽ đi Zangri”. Lama đồng ý cô nên làm như thế. Khi đến Tingri, bằng trực giác ngài Phadampa biết cô đến nên ra ngoài gặp.

Khi gặp nhau cô thỉnh cầu ngài một vài giáo lý đặc biệt. Ngài trả lời: “Ta không có lời chỉ dạy nào ngoài những gì đã ban cho con. Nhưng dòng truyền của Kinh Bát Nhã Ba La Mật thật mãnh liệt. Có thể tẩy trừ những

chương ngại trong đời mình và tạo nên những năng lực phi thường”. Cô nói: “Xin ban cho con giáo lý đó!”.

Vì thế, họ làm một Mandala lớn và cúng dường những Mandala bên ngoài, bên trong và bí mật cho tất cả các Lama. Họ cũng cúng dường hương trầm, âm nhạc và khấn cầu trí tuệ. Sau đó, ngài ban cho những quán đảnh và cô giữ gìn trong tâm khảm. Hơn nữa, ngài còn ban những sự ban phước và cho cô biết những tiên tri. Cô ở lại đó mười ba ngày. Nhận nhiều quán đảnh và giáo lý của chuỗi Upadesha (113) - Những giáo lý về cách làm cho Prana đi vào kinh mạch trung ương, (114) Tummo (115), Tantra Yoga (116) và Pranayama (117). Sau đó, ngài bảo cô đi đến 108 nghĩa địa và núi Huy Hoàng màu đồng đỏ. Bởi việc đó sẽ đem lại lợi lạc cho chúng sinh.

Cô rời Tingri đi đến Tang Lha và núi tuyết vĩ đại Jomo Jechen. Cô tiếp tục cuộc hành hương. Sau đó đến 108 thánh địa và nhắm phương nam đến Mon - nơi cô ở và thiền định. Rồi cô đến Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ và Hồng Cung. Nơi dừng lại khi cô ba mươi bảy tuổi. Những tinh linh bảo vệ địa phương đến gặp cô khấn cầu những giới nguyện Bồ Tát và hứa không quấy nhiễu chúng sinh.

Một ni cô tên Chotso, một người đàn bà tên là Dardron và một người đàn ông tên là Kadrag tới thăm Machig. Bởi họ đoán trước được sẽ chết vào năm đó. Họ gặp Machig và xin một lễ quán đảnh. Cô ban cho họ Magyu Dhadro Negyur (118). Sau đó, họ thực hiện nhiều tiệc cúng dường. Việc đảo ngược tình huống xấu này làm mọi người bắt đầu bàn luận về bà Lapdron nổi tiếng. Năm bà bốn mươi tuổi, những thành tựu của bà nổi danh khắp Tây Tạng. Bà giúp đỡ rất nhiều người.

Tất cả các Dharmapala và Lokapala (Các Hộ pháp và Người Bảo Hộ thế giới); và Vua của các Naga (Long Vương) đến nhận những giới nguyện Bồ Tát và Upaseka. Họ hứa bảo vệ dòng truyền của bà. Ngài dạy họ trong hai mươi một ngày về sự quy y và Bồ đề Tâm. Bảy Dakini bảo vệ lãnh vực hoạt động của bà bao quanh bà mỗi ngày và hầu hết mọi người có thể nhìn thấy.

Sau đó, Lama Chuba Lotsawa cùng mười tám người và vị khác là Jartiba Yartiwa cùng hai mươi lăm đệ tử. Một vị Thầy vĩ đại là Tolunpa với ba mươi lăm đệ tử. Họ đến thách thức Machig tranh luận. Nhưng không ai đánh bại được bà. Sau đó, tất cả những người này tin tưởng và bà giảng dạy cho họ. Họ tin rằng bà là Arya Tara. Tất cả những học giả tin tưởng bà và rất nhiều tu sĩ và Lama được giảng dạy. Thậm chí bà còn trở nên nổi tiếng hơn nữa.

Một thành tựu giả vĩ đại tên là Pamting đến gặp và bà trình bày sự thông hiểu của bà cho đến khi ông không cảm thấy sự vô minh xuất hiện nữa. Vị thành tựu giả rất hoan hỉ và nói: “Kỳ diệu thay, một Hóa Thân của thiên nữ đã sinh ra ở Tây Tạng. Bạc Vĩ đại, ngài đã mang lại hạnh phúc cho chúng sinh và phi nhân. Con dâng lên ngài lời chào kính và ngưỡng mộ của con”.

Sau đó, Machig khẩn cầu ông một sự liên hệ Pháp và ông ban cho bà một giảng dạy rõ ràng về giáo lý Mahamudra và “Abhidharma Kosha”(119). Bà giảng dạy không ngại nghĩ về “Dòng Mahamudra nổi tiếng của Ba Lần Xoay chuyển Tấm Gương Bất Nhiễm” (120). Machig nhận lãnh tất cả những giáo lý này và giữ gìn chúng trong trái tim bà. Sau đó, tiếng tăm của Pháp Chod Mahamudra rất đặc biệt lan rộng (121). Người ta nói rằng: Giáo lý bà giảng dạy đã chữa lành 424 loại bệnh. Không thể bị cản trở bởi 80.000 tinh linh gây chướng ngại.

Gặp Đức Tara

Khi Machig bốn mươi một tuổi, bà vào hang động Pugzang lúc cuối mùa xuân. Khi ở đó, bà nhận từ đức Tara những giáo lý rất hiếm có và những nhập môn vào Mandala của Yab-Yum - Năm Vị Phật Thiền. Đức Tara hiển lộ làm vị phối ngẫu của Năm Vị Phật Thiền và các ngài ban tiên tri này cho bà:

“Con hãy nỗ lực duy trì giáo lý; bao gồm những giáo huấn chuyển hóa năm dục vọng chiến thắng năm Mara (Ma Vương). Đi vào năm trí tuệ và thành tựu quán đánh từ Năm Vị Phật Thiền (122). Giáo lý được hiển lộ cho tất cả chúng sinh. Vì thế Yogini, hãy giữ gìn kỹ giáo lý hiếm hoi này! Sau đó, qua những đứa con của con, dòng truyền sẽ duy trì như một chuỗi ngọc. Viên ngọc này tiếp sau viên kia. Sau mười thế hệ, dòng gia đình con sẽ bị đứt đoạn. Con sẽ trở thành Dakini Bạc Điều Phục Quỷ Ma Kim Cương, thủ lĩnh của tất cả các Dakini. Con cầm vị phối ngẫu bí mật – Khatavanga. Con trì giữ những thân chú bảo vệ bí mật và dòng truyền thừa” (123).

Sau đó, Machig tán thán Năm Vị Phật Thiền cùng đức Tara và nói: “Các Ngài rất nhân từ và đã ban cho con năng lực. Con chỉ là một người đàn bà yếu đuối, ngu dốt. Nhưng giờ đây nhờ ân phước các ngài, con trở thành kẻ có thể làm lợi lạc những người khác”. Đức Tara mỉm cười và nhìn những Dakini khác nói: “Ồ; Yogini, con đã thành tựu mọi sự, con phải thành tựu thuộc các giáo lý Tripitaka (124) và Tantra. Bây giờ ta chứng minh cho con rằng con là Hóa thân của Bát Nhã Ba La Mật; Phối Ngẫu Vajradhatu - Suối nguồn của mọi sự thấu suốt Giáo Pháp. Chớ có ngã lòng.”

Machig nói: “Làm sao con có thể biết được chúng ta không là một? Tại sao con là suối nguồn của mọi sự thấu hiểu Pháp? Giờ đây Bà Mẹ Vĩ Đại đang ở đâu?” Đức Tara nói: “Hãy lắng nghe Yogini, quá khứ của con bị quét sạch khỏi trái tim con. Nhưng ta sẽ giải thích điều đó. Bà Mẹ Vĩ Đại là trạng thái trống không của tất cả các pháp, chúng ta gọi là Bà Mẹ Của Mọi Tạo Vật.

Bà Mẹ là Mẹ của chư Phật Ba thời. Pháp Tánh (Dharmata) của Trạng Thái Tuyệt Đối; siêu vượt mọi sự che chướng, tinh chất của tánh Không-Prajna vô ngã. Vì thế, Bà Mẹ Vĩ đại là đối tượng của những sự cúng dường và tích tập công đức. Bởi năng lực của những lời cầu nguyện và khẩn cầu của chúng sinh, nhờ phương tiện chói sáng của tánh Không và vô ngã của các sự vật như chúng là... Nên trở thành trái cầu (Tig.le) - Ánh sáng vàng đỏ hiển lộ như Bà Mẹ Vĩ Đại trong cung điện của thị kiến thuần tịnh; được bao quanh bởi chư Phật và Bồ Tát mười phương. Bà có một mặt, bốn tay và có sắc vàng. Bà an tọa trong tư thế hoa sen. Trong trái tim bà là chữ “**Mum**” màu cam trong một hột ánh sáng.

Bà có mọi dấu hiệu với sự viên mãn và sống trong cõi trời Tushita (126). Từ trái tim ta xuất hiện một ánh sáng xanh lá cây đậm đi vào trái tim của Bà Mẹ Vĩ Đại thực hiện chức năng của con tim bà. Những tia sáng phát ra từ tim bà và tích tập trí tuệ cùng những sự ban phước của chư Phật và Bồ Tát muôn phương. Sau đó ánh sáng được trao quyền này, thu rút lại vào trái tim của Bà Mẹ Vĩ Đại. Từ đó, một Dakini màu xanh dương đậm có một mặt và bốn bàn tay xuất hiện. Từ bà xuất hiện Dakini Vajradhatu và những biểu hiện vô hạn của thân, khẩu và ý. Những thành tựu được gấp bội lên và tinh túy của tâm bà trở thành Dorje Dudulma – “Bạc Điều Phục Quỷ Ma Kim Cương”.

Vị này có một mặt hai bàn tay và một cái đầu heo lộ ra bên cạnh đầu. Bà có năng lực thống lĩnh tất cả các Dakini và ba thế giới run rẩy dưới chân. Bà kích hoạt mọi chúng sinh mạnh mẽ và là nguồn mạch của năng lực của tất cả các Dakini. Dorje Dudulma hóa hiện nhiều lần để cứu giúp chúng sinh. Cuối cùng bà trở thành con ở Tây Tạng”.

Sau đó Machig nói: “Bà Mẹ Cao Quý Vĩ Đại, mọi sự ngài nói thật rõ ràng. Xin cho con biết, nếu truyền bá những giáo lý Kim Cương thừa ngài đã ban cho thì những Pháp đó có làm lợi lạc chúng sinh và có phát triển được không?”. Đức Tara trả lời: “Sẽ không tốt nếu công khai giảng dạy những vấn đề quan trọng của Kim Cương siêu việt. Nhưng cứ tự nhiên giảng dạy và thực hành một cách bí mật. Hãy dạy cho những người thích hợp, giúp họ

phát triển và đạt được giải thoát! Con sẽ đặc biệt được lợi lạc bằng cách hợp nhất Giáo lý của Bốn Mudra (127) (Bốn Ấn) và cái thấy đầy ý nghĩa của Tâm yếu của Bát Nhã Ba La Mật. Như đức Phật đã tiên tri, đây là thời đại để chế ngự tất cả những con người và phi-nhân ở Tây Tạng. Yogini, các giáo lý của con sẽ lan rộng và con sẽ đạt được trạng thái giác ngộ vững chắc”.

Khi ngài nói điều này, vô số những tia sáng lan trải từ trái tim ngài lên phía trên, xuống dưới và khắp mọi nơi. Rồi tất cả những ánh sáng tan hòa vào trái tim Machig. Đức Tara và cả đoàn tùy tùng hoàn toàn tan vào không trung tràn ngập ánh sáng. Đúng lúc đó bình minh ló dạng. Khi Machig du hành xuống Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ, trên đường đi bà được hai vị bảo trợ màu đen mặc áo choàng đón chào như khi bà đi đến “Hong Cung”.

Sum Họp Với Các Con

Khi bốn mươi hai tuổi, một đêm bà có một giấc mơ. Bà ở trong một khu vườn đẹp đầy hoa. Trên mặt đất là bông hoa khổng lồ với những chiếc cánh nhiều màu sắc. Nó tạo ra những ánh sáng của riêng biệt. Trên đỉnh là Lama Sonam sắc trắng, phát ra ánh sáng cầu vồng. Trên ngài là Phadampa Sangye và phía trên là đức Vajradhara (Kim Cương Trì). Bên tay phải ngài là đức Văn Thù đỏ, bên trái là Arya Deva (128) và phía sau là Sukha Siddhi (129). Trước mặt Ngài là Arya Tara. Tất cả các ngài đeo những vật trang sức Báo thân và không thể chạm vào được bởi ánh sáng các Ngài đang phát ra. Ngay lập tức, các ngài làm lễ quán đảnh cho bà. Bà đã thành tựu những năng lực vĩ đại trong thân, khẩu và ý. Các ngài ban cho bà nhiều sự truyền dạy khiến bà có thể giảng dạy cho người khác. Ở bốn hướng bốn Dakini trắng thổi những vỏ ốc xà cừ trắng khiến cả bốn đại lực đều có thể nghe. Sau đó bà thức dậy.

Ngày hôm sau, khi mặt trời hiện trên đỉnh núi. Topabhadra chồng bà mang cậu con trai thứ và cô con gái đến. Machig và Topabhadra trao đổi các sự

chúng ngộ và mỗi người thuật lại sự thực hành của mình. Họ hát cho nhau nghe những bài ca và Topabhadra lên đường đi Ấn Độ. Cậu con trai nhỏ Drub Se mười lăm tuổi, đã hiểu rõ các dòng thực hành Cakra Sambhava, Akshobya Vajra Vijaya (130), Bốn Tôn Phần nộ đầu ngựa đen (131) của cha. Cô con gái, một Dakini, mười tuổi thành tựu thực hành Tara đỏ Avalokitesvara nhiều tay (132), các Kinh điển và Bát Nhã Ba la mật.

Sau đó, Drub Se ngã bệnh và trở nên mất trí. Để chữa trị mọi đau khổ và chướng ngại gây nên bởi bệnh tật. Machig khuyên cậu thực hành “Ngọn Đèn Quý Báu Chiến Thắng Mọi Đau Khổ” (133). Bà bảo cậu đến ở trong nghĩa địa một tuần. Sau khi thực hiện điều này, cậu không chỉ đẩy lui được bệnh tật mà còn đạt được một vài sự thấu suốt đặc biệt. Sau đó, bà ban cho cậu đầy đủ giáo lý “Ngọn đèn Quý Báu Chiến Thắng Mọi Đau Khổ”. Cậu đã thông thạo toàn bộ vấn đề này. Rồi bà mời Phadampa Sangye đến Dwang để ngài có thể ban những giới nguyện cho con trai. Bà chuẩn bị nhiều vật cúng dường và tỏ ra hết sức tôn kính ngài.

Đến thời điểm đặt tên, Machig nói: “Con sẽ cho nó một cái tên”. Bà nói tiếp: “Cha nó tên là Topa. Bởi nó trở nên điên khùng và mất trí. Nhưng sau đó chiến thắng được bệnh điên và gặp được ngài – Dampa, vị Lama tinh túy của Ba Thời. Từ ngài, nó nhận được những giới nguyện và đạt được toàn bộ trí tuệ. Nên chúng ta sẽ gọi nó là Tonyon Samdrub là “Đứa Con trai điên của Topabhadra - Thiền giả Thành tựu”. Nó sẽ theo truyền thống của con và sẽ rất quan trọng. Trước khi nó đến, con đã có một giấc mơ về bốn Dakini thổi bốn vỏ ốc xà cừ và âm thanh này lan truyền khắp mọi nơi”.

Sau đó, Phadampa Sangye ban cho Tonyon Samdrub giáo huấn tâm yếu của đức Văn Thù, năm Tara và năm Dakini Mahayana. Tất cả những thực hành Guru Yoga sâu xa, phương pháp giải thoát sáu uẩn và không để lại thân vào lúc chết (134). Sau khi tiến hành tiệc cúng dường Phadampa Sangye, bà đi lên Lab. Tonyon Samdrub có niềm tin lớn lao nơi Phadampa Rinpoche và thường nói: “Phadampa Rinpoche là cha tôi”. Cậu tán thán Phadampa và Machig ba lần vào ban ngày và ba lần vào ban đêm. Vì thế mọi người xem

Phadampa là cha cậu. Sau đó con trai lớn là Drubpa chọn vợ thuộc gia đình Goya trong xứ được gọi là Ahrawa và không phải là một hành giả Pháp.

Machig nhận ra là Tonyon Samdrub là đệ tử rất xuất sắc. Nên ban cho cậu toàn bộ những giáo huấn và lời chỉ dạy trong thực hành Bát Nhã Ba La mật cùng Quán đảnh Pháp Luân của Bốn Thiên định, “Những giáo huấn về việc nhận ra Tâm thức nhờ con dao đở”. Cậu cũng được nhận hàng trăm quán đảnh Dakini của các Tantra mẹ và hàng trăm lễ nhập môn Torma (135). Vì thế, cậu nhận tất cả những giáo lý nhập môn và đã thực hành thuần thực những sự quán tưởng. Sau bốn tháng, sự thực hành và chứng ngộ trở nên vững chắc. Sau đó cậu thực hành hậu-thiên định. Vào lúc này, bà trao truyền cho cậu sự thấu hiểu về Mahamudra (Đại Ấn) và cậu hoàn toàn thông thạo.

Khi cậu mười sáu tuổi, Machig nói: “Giờ đây con hãy đi thực hành trên Núi Tuyết Sampo (Shangpo Gangri). Con có một nối kết tốt đẹp với nơi đó”. Cậu lên đường với ba người bạn. Họ đi bộ trong một tháng thì đến nơi. Vào buổi sáng, khi vừa đến Shampo, họ thực hiện một tiệc cúng dường và Machig xuất hiện một cách kỳ diệu. Bà hỏi: “Con có mệt không?”. Cậu nói: “Không, cảm ơn mẹ. Chúng con vinh dự được mẹ đến thăm”.

Sau đó, bà ban cho cậu nhập môn vĩ đại nhất của các dòng truyền thừa. Nhập môn Năm Vị Phật Thiên và Năm Vajra Varahi Bí Mật. Những lễ nhập môn được cử hành một cách hoàn hảo. Bà sống trong hang động ở đó trong bảy ngày. Nhiều Daka và Dakini hiện diện. Người con trai nhìn thấy mẹ trở thành Vajra Varahi. Có một trận mưa hoa, những cầu vòng và nhiều dấu hiệu kỳ diệu. Machig ra lệnh cho vị bảo hộ địa phương là Shambo không được quấy rầy việc thực hành của con trai bà và ông ta hứa giúp đỡ Tonyon. Bà ra lệnh một Dakini Padma là Drimima có nghĩa “Không Có Chuống ngại”, phục vụ Tonyon và cung cấp mọi điều cần thiết cho việc nhập thất của cậu. Bà ta hứa làm điều này.

Machig nói với con trai: “Hãy thực hành trong mười ba năm. Những uẩn, những sự hiển lộ, những chiêu kích trong Pháp giới. Những đối tượng và chủ thể của giác quan sẽ hiển lộ như các Mandala Bốn Tôn. Hãy cố gắng

củng cố thị kiến thuần tịnh của sự giác ngộ! Đừng lo lắng về sinh kế, sẽ có những người phục vụ con”.

Vì thế, cậu đi vào hang động làm chỗ ngồi bằng cỏ Kusha (136) và ngồi trong tư thế Vairocana (137). Cánh cửa được niêm phong và không ai được vào. Sau đó, Machig biến mất vào không gian về hướng Zangri cùng với một đoàn tùy tùng gồm các Dakini. Sau ba tháng, cậu có một thị kiến về sự đói và khát. Cậu nhớ mẹ cậu đã nói sẽ có người nuôi dưỡng nhưng cậu không thấy có ai có thể giúp đỡ và nuôi dưỡng mình cả. Nhưng cậu nghĩ: “Nơi này đã được mẹ ta trao quyền. Ta không thể chết đói được”. Một thời gian sau, một bà mặc y phục màu đỏ xuất hiện trên một tia sáng mặt trời. Bà ăn mặc rất lịch sự và mang đến một tô cam lồ cho cậu uống. Bà nói: “Hành giả, hãy uống thứ này và hãy đạt tới chỗ tận cùng của thực hành của ông!”

Cậu uống tô đầy chất cam lồ có một mùi vị kỳ diệu. Sau đó, đại lạc lan rộng khắp thân thể. Cậu không còn những ham muốn thực phẩm thế gian và nghĩ: “Có thể đây là một Dakini Trí Huệ. Đây là dấu hiệu của tiến bộ trong thực hành”. Dakini nói: “Tôi được lệnh của Machig mang lại cho ông những gì ông cần. Tôi không phải là thầy ông. Vì thế, đừng nói với tôi về những dấu hiệu của sự tiến bộ của ông. Hãy ẩn dấu nó trong Pháp giới như thị! Ông vẫn còn ham muốn kể lại cho mọi người những dấu hiệu của sự thực hành. Hãy khéo giữ gìn tâm ông! Khi ông có những nghi ngờ hay quyết định gì cần thực hiện, hãy sử dụng sự thấu suốt bản sinh, (138) chớ đừng đi đến những người khác. Hãy hợp nhất con đường của cái thấy (kiến) (139) với con đường trong cách hành vi (hành) của ông!”

Khi bà nói xong, ánh sáng ngừng chiếu rọi và biến mất. Ba năm một lần bà trở lại ban cho Tonyon cam lồ. Sau năm năm, Machig phái một Yogi đến kiểm tra Tonyon và xem anh còn sống hay đã chết. Vị Yogi tới bên ngoài hang. “Tonyon” ông gọi. Có tiếng trả lời: “Ah”. “Mẹ ông phái tôi đến xem ông có đói hay khát không. Ông có gặp khó khăn nào không thể vượt qua được không?”. “Ông có mệt không?”

“Tôi hài lòng khi biết mẹ còn sống và mạnh khỏe. Tôi đang sống bằng thực phẩm thiên định. Làm sao tôi có thể đói được? Tôi có y phục nội hỏa. Nhờ

đó tôi vượt qua những ràng buộc với quần áo ấm. Những thị kiến là bằng hữu vĩ đại. Vì thế tôi không nhớ bạn bè. Mọi sự tôi nhìn ngập tràn ánh sáng. Vì thế, tôi không có vướng mắc vào những nơi chốn”. Tonyon nói từ trong hang.

Sau đó, vị Yogi trở về thuật lại mọi sự cho Machig. Bà vui mừng nói: “Ồ, nó có khả năng này.”. Những đệ tử của Machig đông đảo như bầu trời vô hạn. Họ đến từ miền Trung Tây Tạng, Amdo, Kham và ngay cả Nepal. Những Guru vĩ đại, học giả, tu sĩ, vua chúa những nhà quý tộc, thượng thư, hoàng hậu, hoàng tử, sứ giả, thường dân, những người cùi và hành khất. Đều đi đến gặp Machig lễ lạy và nhận giáo lý từ bà. Cuối cùng danh tiếng của bà lan qua Ấn Độ.

Những Học Giả

Thách Thức

Sau đó, những Pandit (học giả) ở Bodhgaya nghe nói về bà nên gặp nhau để bàn luận. Họ nói: “Mọi Pháp chân thực đều đến từ Dorje Den (Bodhgaya - Bồ đề đạo Tràng). Nhưng giáo lý được gọi là Chod Mahamudra lại không bắt đầu ở Bodhgaya, mặc dù Mahamudra từ nơi đó mà ra. Giáo lý này đã truyền từ Tây Tạng sang Nepal. Thậm chí những người Nepal sắp nhận giáo lý từ người đàn bà ba mắt. Bà ta dạy pháp Chod với sự khẳng định: Có thể chiến thắng bốn mươi bệnh tật và 80.000 chương ngại.

Người đàn bà ba mắt này xác nhận mình là Hóa thân của Dakini Bát Nhã Ba La Mật. Nói đúng hơn, bà ta là Hóa thân của những quỷ ma xấu xa. Có lẽ, khó mà thắng được bà và khó biết được ta nên hành động với phương tiện nào. Nhưng nếu không làm, bà ta sẽ tiêu diệt toàn bộ xứ Tây Tạng và sau đó thôn tính Ấn Độ. Chúng ta phải phái một nhóm đi kiểm tra bà ta”.

Mọi người đồng ý bà có thể là một nhà huyền thuật nguy hiểm. Do đó, họ gọi những thành tựu giả thông thái và mạnh mẽ nhất. Vì thế, một nhóm

Yogi thành tựu bay đến Tây Tạng như những con chim ung tìm kiếm những chú chim nhỏ bé. Sáng hôm sau đến nơi khi mặt trời vừa mọc, họ lượn quanh Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ. Khi ấy đầu bếp của Machig là Sonam Gyam nhìn thấy. Sonam Gyam nói với Machig: “Có ba người trên mái hiên của chúng ta. Họ đen sạm, mắt sâu và mặc áo choàng không tay màu đen. Họ không phải là người ở quanh đây, có lẽ là người Nepal”. Machig nói: “Họ là những du khách có pháp thần thông xứ Ấn Độ, hãy dọn chỗ mời họ ngồi”.

Chỗ ngồi gồm ba cái nệm được chuẩn bị. Sau đó họ được mời vào bằng thủ hiệu. Họ tiến vào và ngồi xuống. Bằng tiếng Ấn Độ, Machig nói với họ: “Các ông có khỏe không? Hành trình của các ông ra sao? Lúc này ở Ấn Độ có gì lạ không?”. Họ sững sốt khi nghe bà nói bằng ngôn ngữ của họ và hỏi làm thế nào bà biết được tiếng bản địa. Bà trả lời: “Nhiều đời trước tôi sống ở Ấn Độ”. Họ hỏi: “Bà có nhớ những đời trước của bà không”. Bà nói: “Có, tôi nhớ tất cả”.

Vì thế họ nói: “Nếu nhớ thì sao không kể lại cho chúng tôi về những đời đó?” “Tôi sẽ kể, nhưng trước hết tôi sẽ tập hợp tất cả những đệ tử của tôi từ khắp Tây Tạng, Nepal và tìm những người thông dịch. Như thế mọi người có thể nghe. Nếu không thì chỉ mình các ông hiểu được” Machig trả lời. Vì thế, bà phái các sứ giả có thể sử dụng thần túc thông đi khắp xứ Tây Tạng và Nepal để thông báo cho các đệ tử. Trong lúc đó, bà đón tiếp ba vị học giả trong nhà khách và chăm lo cho những nhu cầu của họ.

Trong một tháng mọi người đến mang theo lương thực đủ dùng trong một tháng theo những hướng dẫn của các sứ giả. Có 500.573 người và bốn người thông dịch từng tới Ấn Độ và thông thạo vài ngôn ngữ. Machig giảng dạy Pháp cho mọi người và cung cấp cho 70.000 tu sĩ, ni cô. Cuộc tranh luận giữa Machig và những người Ấn Độ được thông dịch lại. Cho dù hết sức cố gắng họ cũng không thể đánh bại được Machig trong cuộc tranh luận. Cuối cùng những người Ấn Độ nói: “Từ lúc bắt đầu mọi Giáo Pháp đến từ Ấn Độ, không có Giáo pháp bản địa Tây Tạng”. Machig nói: “Đúng như vậy. Tất cả chư Phật và giáo lý của các ngài đến từ Ấn Độ. Vì thế, tại

sao các ông không nói cho chúng tôi nghe về từng vị Phật, những giáo lý nào các ngài đã ban và các Ngài có những loại đệ tử nào?”.

Những người Ấn Độ nói: “Chúng tôi không biết. Nếu bà biết, tại sao không thuật lại cho chúng tôi về các ngài?”. Vì thế trong bảy ngày bà nói về chư Phật, giáo lý và những đệ tử của các ngài. Sau đó những người Ấn Độ nói: “Tốt, vì bà có thể nhớ lại tất cả những điều này từ những đời trước. Tại sao không thuật lại cho chúng tôi hiện nay bà đang dạy những gì?”.

Machig nói: “Xin mọi người lắng nghe! Những người Ấn Độ không tin tưởng tôi hay những giáo lý của tôi. Đó là lý do họ phái ba học giả này tới đây. Ba vị này, có thể cố gắng để nhận được lợi lạc từ giáo lý của tôi. Nhưng thay vào đó họ chỉ tiếp tục hỏi về những đời trước và dòng truyền thừa của tôi. Nếu tôi không thuật lại cho họ những đời quá khứ. Chắc chắn họ sẽ không tin. Thậm chí những đệ tử riêng của tôi cũng bắt đầu hoài nghi. Vì thế, tôi sẽ làm sáng tỏ điều này một lần và cho tất cả”.

Mọi người lắng nghe bà trình bày. Lúc đầu đời, bà đã nghiên cứu tất cả những giáo lý Phật Giáo ra sao và khi sử dụng nó như căn bản bà đã biên soạn pháp Chod Mahamudra và giải thích ý nghĩa. Sau đó, trình bày về việc bà đã chứng ngộ cái gì và làm thế nào hợp nhất những điều này vào bản thân bà. Bà nói về những vị Thầy trong loài người và đã học được những gì từ họ. Những vị thầy siêu nhân giống như Arya Tara và những gì bà đã thọ nhận từ các ngài. Bà cũng nói về tương lai giáo lý của bà và những tiên tri của vị thầy của bà.

Sau đó bà kể câu chuyện về đời bà như sau: “Từ lúc Arya Tara được truyền cảm ứng để cứu giúp chúng sinh và trở thành Bát Nhã Ba La Mật. Cho đến khi tôi sinh ra là Dorjeying Kyi Wang Chug. Lúc ấy tôi đã có 107 đời. Việc sinh ra bắt đầu ở Ấn Độ là nơi tôi sinh ra là học giả Monlam Drub. Chính nhờ những sự ban phước của Arya Tara tôi rời bỏ thân đó trong hang động ở Potari. Thân xác này vẫn có ở đó! Da thịt đang trong điều kiện tuyệt diệu không hư hỏng chút nào. Ba vị nên đến đó hỏa thiêu xác. Khói sẽ thơm như gỗ đàn hương đỏ và sẽ tỏa hương thơm khắp vùng. Sẽ có âm thanh những nhạc khí, ánh sáng cầu vồng và những trận mưa đổ xuống nhiều loại hoa.

Sau lễ hỏa thiêu các ông sẽ tìm thấy trên sọ những hình tượng chạm nổi của Năm vị Phật hợp nhất với phối ngẫu của các ngài. Mỗi đốt xương sống sẽ là một Stupa (tháp). Mỗi cái răng mang hình dạng ốc xà cừ xoắn qua bên phải. Một chữ **Ah** trắng hiện diện trên xương cằm. Trên xương vai phải là Dakini Pháp Thân. Trên xương chậu là Avalokitesvara (Quán Thế âm), Manjushri (Văn Thù) và Vajrapani (Kim Cương Thủ). Trên những xương hông sẽ là Tara xanh và trắng. Trái tim sẽ là đức Phật. Giữa lồng ngực các ông sẽ tìm thấy đức Vajradhara (Kim Cương Trì). Tất cả những xương khác trở thành vô số Ringsel (140) có kích thước quả hạch và có năm màu”.

Sau đó, những học giả nói: “Điều gì sẽ xảy ra nếu không đúng như bà nói?” Machig đáp: “Nếu không xảy ra đúng như tôi nói. Tất cả mọi sự tôi từng nói cho tới nay, kể cả những giáo lý của tôi đều sai lầm! Vì thế, quý vị lập tức lên đường và chứng kiến những dấu hiệu vẫn còn ở đó. Giờ đây một nửa lợi lạc của tôi làm cho chúng sinh đã hoàn tất. Hiện nay tôi năm mươi hai tuổi. Khi chín mươi chín tuổi, tôi sẽ sinh trong cõi trời bằng phương tiện chuyển di” (141).

Mọi người tin tưởng bà không chút nghi ngờ. Bà khẩn cầu Phadampa Sangye đi với các học giả tới Ấn Độ và mang một trong những xá lợi về cho người Tây Tạng. Vì thế, tất cả đi đến Bodhgaya bằng cách đi nhanh (thần tốc). Họ đến Bodhgaya và thuật lại cho những học giả mọi sự đã xảy ra. Họ nói: “Hãy đi Potari và xem điều gì xảy ra”. Năm mươi hai học giả đi Potari tìm thấy xác và mọi sự xảy ra đúng như Machig nói.

Vì thế những người Ấn Độ tuyên bố Machig là Hóa thân Của Bà Mẹ Vĩ Đại. Họ bắt đầu nói ở một nơi như Tây Tạng không thể có những đệ tử thích hợp với trình độ của bà. Nếu bà ở đó sẽ hoàn toàn bị phai nhạt như cầu vồng. Bởi thiếu những đệ tử thích hợp. Họ quyết định là phải mời bà sang Ấn Độ ngay lập tức.

Chiếc sọ với Năm Vị Phật và năm Dakini được mang về Bodhgaya. Phadampa mang trái tim về Tây Tạng. Tất cả các học giả đều trở về Tây Tạng. Họ thực hiện sự cúng dường, đi nhiễu, lễ lạy trước mặt bà và nói: “Machig, ngài là một huyễn thân từ trái tim của Bà Mẹ Vĩ Đại. Chúng con

thỉnh về cho ngài pho tượng Phật”. Mọi chúng sinh trong ba cõi nhìn thấy pho tượng đều được nhận những sự ban phước. Phadampa được yêu cầu giữ gìn. Niềm tin của những người Ấn Độ và Tây Tạng phát triển mãnh liệt. Thực hành Chod lan rộng khắp Tây Tạng và sang tới Ấn Độ.

Những người Ấn Độ cứ nài nỉ mời Machig sang Ấn Độ. Nhưng bà nói: “Việc sang Ấn Độ sẽ không hay lắm. Tôi được chỉ định để giúp đỡ dân Tây Tạng. Tôi không đi Ấn Độ trong đời này. Ấn Độ là xứ sở của chư Phật và là nơi Pháp được giảng dạy trước tiên. Giờ đây là lúc đem Pháp từ Ấn Độ sang Tây Tạng. Không phải từ Tây Tạng sang Ấn Độ. Tôi có nhiều đời ở Ấn Độ và có nhiều mối liên hệ Pháp ở đó. Đời này tôi đã sinh ở Tây Tạng và ở đây tôi giảng dạy Chod Mahamudra. Pháp chưa từng được dạy ở Ấn Độ. Người đàn bà hành khất này muốn cho những người Ấn Độ các ông thấy cách thực hành Pháp Tây Tạng là pháp Chod”.

Machig gởi một vài trong những giáo lý quan trọng nhất, trung bình, dài và ngắn sang Ấn Độ. Chúng là những giáo lý xuất phát từ chính trái tim của bà. Bà giảng dạy cho ba học giả và họ đem chúng về Ấn Độ. Theo cách này, lần đầu tiên Giáo Pháp được đem từ Tây Tạng về Ấn Độ. Sau đó, dòng truyền thừa của những Pháp đó là những gì được phát sinh trong trái tim bà được truyền sang những con trai và con gái bà. Có 116 người nắm giữ dòng truyền thừa này xuất phát từ Machig. Có ba dòng chính:

Dòng thứ nhất là:

Gyud.tab, dòng giáo lý Kinh điển từ đức Phật đến Manjushri, Nagarjuna. Rồi đến Aryadeva, Aryadeva Brahmin, Phadampa, Chos Shyka Yeshe, Lạt ma Sonam, Khudbon và Machig.

Dòng thứ hai:

Từ Yum Chenmo (Bà Mẹ Vĩ đại) đến Tara, Sukhasiddhi, Brahmin Aryadeva, Phadampa Sangye, Lama Sonam. Sau đó tới Machig. Dòng này được gọi là Sherab Gyu và thảo luận giáo lý Kinh Bát Nhã Ba La Mật.

Dòng thứ ba:

Được gọi là Zungjug, có nguồn gốc từ Bà Mẹ Vĩ Đại đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Arya Tara, Manjushri, Aryadeva, Phadampa Sangye, Lama Sonam, Machig. Tất cả những dòng trên đều là những giáo lý khẩu truyền.

Dòng Kim Cương thừa truyền trực tiếp từ đức Vajradhara (Kim Cương Trì) đến Tara, Machig. Trước bà chưa từng có dòng nào như thế. Dòng khẩu truyền gồm 100 quán đảnh và 100 lễ cúng dường truyền đến Tonyon Samdrub, con trai lớn của bà và từ ông truyền tới Gangpa Mugsang, Drubchenpa, Kadrubchenpo, Kyeme Gamtso. Sau đó đến Manmay Rinpoche, Rechen Shon Sonam Dorje. Dòng truyền từ đức Phật được bà truyền cho con trai thứ là Gyalwa Dondrub và ông giữ gìn nó trong tim mình.

Đối với con gái, ba đệ tử nữ chính và Ku gom Cho Kyi Sengye, bà ban sự pha trộn Kinh điển và Giáo lý bí mật cùng những Giáo Pháp phát sinh từ tim bà. Bà cũng ban các Tantra mẹ và bốn quán đảnh của các Dakini. Con đường bí mật Guru Yoga. Sự quán tưởng về Avalokitesvara, Manjushri, Vajrapani, Tantra Mahamaya. Những giáo lý đặc biệt về cách thiền định về Avalokitesvara và nhiều thực hành khác. Họ đã hòa nhập tất cả những giáo lý vào tim mình.

Tất cả những giáo lý này bắt nguồn từ Bát Nhã Ba La Mật như từ bên trong một hang động. Bà đã chỉ dạy các đệ tử Dode Nag gi Wang Chug và Grol de Gyalwa' I Jungne. Bà đã giảng dạy tất cả những giáo lý cho mười sáu đệ tử chính và một ngàn hai trăm sáu mươi ba đệ tử thành tựu. Đó là những người nhận được kết quả của thực hành và giúp đỡ những người khác. Khoảng bốn trăm ba mươi ba người cùi được chữa lành nhờ thực hành điều bà giảng dạy nên khỏe mạnh như trước. Vô số người được cứu giúp. Năm Machig Lapdron chín mươi chín tuổi, bà thị tịch vào xứ sở của các Dakini.

Chú Thích

1. Phi-nhân trong trường hợp này, biểu thị người vượt quá con người trung bình. Không phải người hay dưới con người. Hay nói đúng hơn là siêu nhân. Bà mẹ trong trường hợp này ám chỉ người không chỉ sinh và nuôi dưỡng con cái mà còn sinh ra tuệ, Thai Tạng siêu việt.

2. Dakini Trí tuệ: Xem Dẫn nhập.

3. Kim Cương bộ: Xem Dẫn nhập.

4. Những giới nguyện Upaseka bao gồm năm giới luật:

1- Không sát sinh.

2- Không nói dối.

3- Không trộm cắp.

4- Không dùng chất gây say.

5- Không tà dâm.

5. Việc ban cho một danh hiệu có nghĩa: Sự thay đổi quan trọng trong tính cách của một con người. Cũng có nghĩa: Sự tái sinh của một người vào một trạng thái mới. Trong truyền thống Tây Tạng danh hiệu mới được ban cho khi nào đệ tử bước một bước đáng kể chẳng hạn như thọ những giới nguyện hay nhận lãnh những quán đảnh quan trọng.

6. Xem chú thích 10 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

7. Vinaya: Bộ luật về cách hành xử xuất phát từ những lời dạy của đức Phật mô tả hành vi của ni cô hay tăng sĩ. Một loạt những điều luật được đức Phật thiết lập để dẫn dắt cộng đồng tu viện hướng tới sự giác ngộ.

8. Abhidharma: Phần chính yếu của giáo lý của đức Phật được mô tả là tâm lý học hay siêu hình học hoặc thuyết về nguồn gốc vũ trụ của Phật giáo. Các giáo lý mô tả bản tánh của tâm. Xem Trungpa, đại cương Abhidharma.

9. Bốn Tantra:

1- *Bya (Phạn: Kriya)*. Kriyayoga, được đặt nền trên sự tịnh hóa qua những hành động nghi lễ bên ngoài như: Cúng dường, trì tụng, những nghi lễ và tắm rửa tẩy tịnh, mặc quần áo trắng và ăn những thực phẩm rau củ trắng.

2- *sPyod (Phạn: Caryā)*. “Carya Yoga” là sự quân bình của những hành động bên ngoài với Yoga bên trong.

3- “Tantra Yoga”. Sự hợp nhất đại lạc và tánh Không, cùng với việc gia thêm tác dụng cho những thực hành bên trong.

4- “Tantra Anuttara”. Mang lại phương pháp để giữ “Sems” (tâm) dưới sự kiểm soát. (Xem Tucci, Các Tôn giáo của Tây Tạng).

10. Xem chú thích 74 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

11. Xem chú thích 80 về bốn quán đảnh trong tiểu sử Nangsa Obum.

12. Xem chú thích 67 trong tiểu sử Nangsa Obum.

13. Dorje Den: Bodhgaya - “Tòa Kim Cương” (Bồ đề đạo Tràng). Nơi đức Phật đạt được giác ngộ cuối cùng. Bây giờ thuộc làng nhỏ gần Gaya; tỉnh Bihar - Ấn Độ.

14. Nghĩa địa là nơi gọi lên nỗi sợ sự chuyển tiếp từ sự sống sang sự chết. Việc gặp các Dakini trong những tình huống biểu thị sự chuyển tiếp là chủ đề thông thường. Nỗi sợ hãi bám chấp được Dakini bày lộ hẳn là điều phải đối phó; để tiến trình tâm linh có thể tiếp tục. Việc chạm trán này được tạo nên từ sự xuất hiện của Dakini.

Trong trường hợp này Dakini được điều phục và trở thành người hầu cận của ông. Khi cuộc chạm trán như vậy tiến hành thành công, kinh nghiệm sẽ cung cấp nhiên liệu cho sự tiến bộ xa rộng hơn. Phương pháp của Monlam Drub là: Không tham dự trận chiến nhưng an trụ trong một trạng thái thiền định vô ngã. Phương pháp này tương tự như được mô tả trong ngôi sao sáu cạnh “Chọc thủng phòng tuyến” trong I Ching: “Nếu điều xấu ác được ghi khắc nó sẽ nghĩ tới các vũ khí. Nếu ta hằng nhớ tới nó thì thiên hướng

chống lại sẽ bùng phát mạnh mẽ. Cuối cùng, ta sẽ thất bại. Bởi bị vướng kẹt trong sự sân hận và ham muốn.

Do đó điều quan trọng là: Hãy bắt đầu ngay tại nhà mình. Cảnh giác trong con người của chính mình việc đối kháng với những lỗi lầm mà ta đã ghi khắc. Theo cách này, không tìm ra đối thủ và vũ khí sắc nhọn của điều xấu ác sẽ trở nên cùn lụt. Cùng lý do đó, chúng ta không nên chiến đấu trực tiếp với những lỗi lầm. Chừng nào còn vật lộn với chúng. Chúng vẫn tiếp tục là kẻ chiến thắng. Cuối cùng cách tốt nhất để chiến đấu với sự xấu ác là phát triển mạnh mẽ điều tốt lành”. (I Ching, bản dịch của Wilhelm và Baynes, trang 167).

15. Damena: Vị phối ngẫu của Hevajra. Đừng làm với Damena là vợ của dịch giả Marpa. Từ này có nghĩa đen là: “Người đàn bà Vô ngữ”.

16. Cách chạy rất nhanh không thực sự chạm vào mặt đất. Thành tựu nhờ việc kiểm soát hơi thở Yoga. Bà Alexandra David-Neel mô tả hiện tượng này trong quyển sách Huyền thuật và điều Thần bí của Tây Tạng, trang 146. Cũng xem “Cuộc Gặp gỡ Dhampa Sangje” - Một Trăm Ngàn Bài Ca của Milarepa, trang 606.

17.

1- Những thành tựu thông thường bao gồm:

Năng lực đi qua tường, biến đá thành vàng, đi trên nước mà không chìm, đi vào lửa không bị cháy, làm tan chảy tuyết bằng thân nhiệt trong thời tiết cực kỳ lạnh lẽo, du hành tới một vũ trụ ở xa trong vài giây, bay trên trời và đi xuyên qua những tảng đá và núi non.

2- Những khả năng phi thường:

Đọc được tâm và biết được tương lai, Phát triển tất cả các giác quan vượt xa những khả năng thông thường. Có thể phóng ra những tia sáng từ thân và đứng trong nắng không in bóng, làm thân biến mất và những điều được gọi là thần diệu khác.

18. Xem Dẫn nhập.

19. rTa.mgrin và sDo.rje Phag.mo (Hayagriva và Varahi).

20. Năm Tây Tạng được thiết lập theo âm lịch. Chu kỳ bắt đầu với trăng thượng tuần vào tháng hai. Mỗi tháng bắt đầu với trăng thượng tuần vào ngày mồng một và trăng tròn vào ngày mười lăm. Những ngày tốt thay đổi nhưng ngày mồng mười được dâng hiến cho đức Padmasambhava. Ngày hai mươi lăm cho Dakini và ngày hai mươi chín cho những vị Bảo Trợ và Hộ Pháp. Ngày mồng tám là ngày của Tara và Mahakala.

21. Khatvanga: xem Dẫn nhập.

22. Xem Dẫn nhập.

23. Tách sọ người: Xem Dẫn nhập.

24. Chúng ta thấy nguyên lý Dakini trong phương diện có vẻ: Gây hấn, hủy diệt là việc đưa đến điều tốt lành lớn lao hơn. Không phải là hủy diệt; đúng hơn là chuyển hóa một cách tích cực. Nó là một năng lực khách quan tấn công người nhận lãnh mãnh liệt cũng như trước đó với Molam Drub. Chống lại ý chí của họ, tạo nên một sự chuyển hóa dường như có vẻ tiêu cực theo quan điểm ý thức duy lý. Nhưng ở đây chúng ta thấy nó sinh ra thị kiến và đại lạc lớn lao và làm cho bà mẹ có thể nhận lãnh năng lực Dakini mạnh mẽ của Machig Lapdron.

25. Ốc xà cừ có vòng xoắn qua bên phải: Những vỏ ốc xoắn qua bên phải được xem là rất linh thiêng đối với người Tây Tạng. Bởi chúng khác thường và những Phật tử luôn đi nhiều từ bên phải (theo chiều kim đồng hồ).

26. “**Ah**” được xem là âm thanh biểu lộ trạng thái nguyên sơ của sự thấu suốt. Nó là chữ cuối cùng của bảng mẫu tự Tây Tạng và là chữ đầu tiên của bảng mẫu tự Phạn ngữ. Chữ “**Ah**” trắng tượng trưng cho sự chói sáng nguyên sơ và bản tánh nền tảng của mọi sự là ánh sáng.

27. Bốn đại lục bao quanh Núi Tu Di ở giữa. Núi này ở trung tâm thế giới. Phương đông là Videha, hình trăng lưỡi liềm. Phương Nam là Jambuvipa

hình nón, đầu nhọn hướng xuống dưới. Phía Tây là Godaniya hình tròn. Phía Bắc là Uttarakuru hình vuông. Ngọn núi ở giữa (Tây Tạng: Rirab Lhunpo) được bao quanh bởi bảy hồ nước và bảy rặng núi vàng. Vượt lên những rặng núi này là bốn đại lục và thế giới mà ta biết là Jambuvipa (Dsambu Ling - Nam Thiệm Bộ Châu). Vươn lên qua trung tâm ngọn núi là thân cây nở đầy hoa và trái ở trên ngọn. Những vị trời và bán thần cư ngụ trên ngọn núi. Mỗi vị trong số đó chăm sóc đại lục họ quay mặt về.

28. Những lá cờ cầu nguyện là những lá cờ bằng vải đủ màu; treo dọc theo những sợi dây nằm ngang hay lá cờ dài treo thẳng đứng trên một cây cột. Các thần chú và những lời cầu nguyện được in lên đó bằng mực từ bản khắc gỗ. Chúng được đặt khắp những nơi người ta cần tới sự động viên khích lệ và bảo vệ. Chẳng hạn như xung quanh bất kỳ những nơi chốn linh thiêng hay tâm linh, những con suối và đèo núi, nhà cửa... Người ta cho rằng những lời cầu nguyện bay theo gió và đem theo những sự ban phước và bảo vệ.

29. Ha Ri Ni Sa: Những chủng tự của các Dakini vây quanh Dorje Phagmo (Vajra Varahi).

30. Người Tây Tạng tự xem mình thường xuyên chịu sự đe dọa từ những cuộc tấn công của tinh linh có thể xảy ra. Nên có nhiều vị trời và phương pháp khác nhau để tự bảo vệ. Xem Tucci - Những Tôn giáo của Tây Tạng.

31. “Bija” hay chủng tự của Vajra Yogini và Avalokitesvara. Xem chú thích 5 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

32. Con mắt thứ ba là con mắt nhìn vượt lên sự phân hai. Có nghĩa siêu vượt cái thấy nhị nguyên. Con mắt thứ ba nằm giữa trán giữa hai mắt.; được kết hợp với những năng lực tâm linh và thị kiến rộng lớn. Mọi truyền thống bí truyền thừa nhận sự hiện hữu của trung tâm này. Đó là nơi phải được mở ra nhờ những thực hành thiền định khác nhau.

33. Những dấu hiệu của Dakini được xem là bí mật không được công bố. Cũng là những dấu hiệu trên thân của phụ nữ. Ví dụ như những nốt ruồi ở chỗ nào đó. Trong The Blue Annals (Biên niên sử Xanh), bản dịch của

Roerich, trang 220-221. Miêu tả về những dấu hiệu của Dakini Padma, tôi sẽ gộp lại bởi chúng mang lại ý niệm về các loại dấu hiệu: “Trên rốn bà có một hình hoa sen đỏ với ba góc. Giữa ngực hình những chuỗi hạt bằng đá quý, xuống tận rốn và trên mỗi vai bà - Những hình Swastika. Sau tai bà có những vòng tương tự như những vòng xoắn của ốc xà cừ hay hoa sen. Dưới lưỡi có hình thanh gươm màu hoa Utpala khắc chạm chữ Tam (tượng trưng cho chữ đầu tiên của danh hiệu Tara). Giữa hai lông mày có hình lá cờ với mặt trời và mặt Trăng”. Xem dẫn nhập.

34. Om Mani Padme Hum;

Thần chú của Avalokitesvara.

Om Tare Tutare Ture Swaha;

Thần chú của Arya Tara.

Om Gate Gate Paragate Samgate Bodhiswaha;

Thần chú của đức Phật.

35. Người Tây Tạng tin quần áo lưu trữ được những rung động của người mặc và những địa điểm họ mặc. Vì thế y phục của bất kỳ vĩ nhân nào cũng được tôn kính. Đây là lý do các bạn thấy người Tây Tạng mặc những áo choàng len và những áo choàng mùa đông khổng lồ trong những chuyến hành hương đến Ấn Độ. Quần áo được cho là để lưu trữ những sự ban phước của địa điểm. Vì thế họ mặc ở Ấn Độ những gì đã mặc ở nhà trong những núi non.

36. Những giáo lý về bản tánh của Bát Nhã Ba La Mật. Xem chú thích 10 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

37. Thập địa của con đường Bồ Tát:

- 1- Hoan Hỉ địa.
- 2- Ly cấu địa.
- 3- Phát quang địa.
- 4-Diệm Huệ địa.
- 5- Nan Thắng địa
- 6- Hiện Tiền địa.
- 7- Viễn hành địa.
- 8-Bát động địa.
- 9- Thiện huệ địa.
- 10- Pháp Vân địa.

Đây là những cấp độ mà Bồ tát vượt qua trước khi đạt được sự Giác ngộ viên mãn. Xem sGampopa - Vật Trang sức Quý Báu của sự Giải thoát.

38.

Năm Con đường:

- 1- Chuẩn bị.
- 2- Ứng dụng,
- 3- Thấy.
- 4- Thực hành.
- 5- Hoàn thành.

(Xem sGampopa - Vật Trang sức Quý báu của sự Giải thoát).

39. Tây Tạng: Ngo-shes

40. Người tụng đọc chuyên nghiệp: Truyền thống trong Phật Giáo qua đó người thể tục hay tu viện mời thỉnh một tu sĩ hay một nhóm tu sĩ đến nhà hay tu viện để đọc một lần hay một số lần một bản văn nào đó. Mục đích làm cho gia chủ ghi nhớ giáo lý khiến họ tích tập công đức.

41. Cõi trời của Dakini: Chiều kích kết hợp năng lực Dakini. Hiện thân các Dakini đi qua vào lúc chết và từ nơi đó họ xuất hiện khi được sinh ra.

42. Thân có thể biến mất vào lúc chết theo hai cách:

1- sGyu.lus (Thân Huyền hóa).

2- ‘Ja’.lus (Thân Cầu vòng).

Khi khảo sát dòng truyền thừa Bumme tu học. Rất có khả năng là cô sử dụng Thân Huyền hóa. Trong trường hợp này sự Quang minh và Prana (khí) hợp nhất trong Ye.shes (trí tuệ). Khi hành giả vẫn còn trong thân thể nghiệp lực bị ô nhiễm. Thân này, có thể tiến hành nhiều điều huyền diệu vì sự tốt lành của người khác. Cuối cùng, vào lúc chết Prana vi tế của trí tuệ hợp nhất với sự quang minh (‘Od.gsal) và thân kim cương (rDo.rje sKu) được thành tựu. Vào lúc này thân nghiệp lực được tạo nên bởi những yếu tố thô nặng biến mất. Tử thi biến có thể gọi là “Những hạt vũ trụ”.

Trái lại, thân Cầu vòng thành tựu bằng phương tiện của “Sự Chuyển Di Vĩ Đại”. Những thực hành Thod.rgyal tiếp theo sau “Khregs.chod” được tiến hành trước sự chuyển di này. Vào giai đoạn thứ tư và sau cùng của Thod.rGyal. Chất thể của thân là sự kết hợp những yếu tố được tinh chế và chuyển di thành hình thức vi tế của những yếu tố. Đó là ánh sáng có màu sắc chói lọi. Chỉ có tóc và móng tay là những thứ bất tịnh của thân còn để lại.

Tuy nhiên người ấy không thực sự chết nhưng chuyển di thành thân ánh sáng hay thân cầu vòng. Thân này tích cực và có thể nhìn thấy bởi người có

thị kiến trong sáng. Thân cầu vòng chỉ được hiển lộ bởi những hành giả của trường phái Dzogchen (Những truyền thống Nyingma lẫn Bonpo). Trong khi sGyu.lus (Thân Huyền Hóa) được hiển lộ trong những dòng truyền thừa khác. Để hiểu rõ hơn xin xem Tucci - Những Tôn giáo của Tây Tạng.

43. Ở Tây Tạng, địa vị của một người được biểu thị bởi số tấm nệm được mang lại để ngồi. Người càng quan trọng chỗ ngồi hay ngai tòa càng cao. Đây là lý do ngai tòa của những Lama “cao cấp” thật cao, đôi khi vượt quá đầu người đứng trên sàn nhà. Một chỗ ngồi có ba tấm nệm được coi là rất tôn kính.

44. Pha.dam.pa Sangs.rgyas: Xem chú thích 24 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

45. Sadhu: Thuật ngữ Ấn Độ để chỉ nhà khổ hạnh hay Yogi tâm linh. Người đã bỏ lại phía sau những mối quan tâm của cuộc sống gia chủ để theo đuổi con đường tâm linh. Những Sadhu thường không ở chỗ nhất định và mặc quần áo rách hay áo choàng màu vàng nghệ. Thậm chí họ có thể trần truồng.

46. Cách những người ngang hàng chào hỏi. Diễn tả sự tôn kính và quý mến lẫn nhau.

47. Những giáo lý bí truyền thường xuyên nhấn mạnh sự khác biệt giữa hiểu biết tri thức và sự hợp nhất cá nhân với ý nghĩa của giáo lý. (Xem Cuộc đời và giáo lý của Naropa, bản dịch của Guenther, trang 24-25. Một đoạn rất giống, ngoại trừ việc kẻ thách thức là một Dakini.)

48. Đoạn này kết hợp những nguyên tắc căn bản của triết học đứng sau thực hành Chod. Đó là nếu ta ngừng việc bám chấp sự dính mắc dễ bị kích động. Trạng thái hỉ lạc tươi mới hiện diện sẵn trong tâm sẽ xuất hiện.

49. Dag.med rTogs.pa: Nhận thức vững chắc không có linh hồn hay bản ngã thường hằng.

50. Đoạn này biểu thị những nguyên tắc phía sau những lối sống các môn đồ của Machig Lapdron. Các “Chodpa” là những hành giả lang thang, sống trong những nghĩa địa và những nơi ghê rợn. Những Chodpa không sợ bị ô uế bởi điều xã hội xem là “xấu”. Cũng không dính mắc vào những gì những người khác xem là “đáng ao ước”. Họ được mời đến để xử lý những xác chết khi có các bệnh dịch ở Tây Tạng. Bởi họ được miễn trừ đối với sự nhiễm bệnh.

51. Xem chú thích 60 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

52. Chos Nyid kyi dByings: Toàn bộ câu này có nghĩa: “Không gian của các pháp như chúng là...” hay “không gian của sự như thị”. Không gian (dByings) những khoảnh khắc trong tiến trình của sự tri giác (các pháp) như chúng là....

53. Lạt ma Sonam: xXm chú thích 24 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

54. Một miếng thịt Yak lớn. Bởi Tây Tạng ở độ cao như thế. Thời gian để tăng trưởng rất ngắn ngủi và có ít rau củ phát triển. Vì thế, thức ăn thường ngày của những người Tây Tạng phụ thuộc vào thịt như nguồn chất đạm. Đức Phật cũng không dạy phải ăn rau quả một cách nghiêm ngặt. Đúng hơn, tất cả những thịt mà ta ăn nên qua tay ít nhất ba người trước khi các Phật tử dùng. Một Phật tử không bao giờ ăn thịt thú vật được giết vì họ hay cố vũ cho việc giết bất cứ con vật nào. Sự tiếp cận Kim Cương thừa, điều được đề cập đến ở đây.

Nếu hành giả Kim Cương thừa ăn thịt con vật với sự tỉnh giác và sự nội quán siêu việt vào chân tánh của thực tại. Điều này tạo mối liên kết giữa con vật và Yogi. Vì thế, con vật sẽ có cơ hội tốt hơn để đạt đi đến sự tái sinh cao hơn nếu không bị giết và được cúng dường cho vị Yogi hay Yogini.

Cũng thế, từ thời của Tantra Ấn Độ việc dùng thịt và rượu luôn là một phần không thể thiếu của tiệc cúng dường Phật Giáo Kim Cương thừa. Nó tượng trưng cho việc siêu vượt lên những giới hạn của giới nguyện và “sự tốt lành” theo quy ước. Sự chuyển hóa độc chất và những chất liệu nguy hiểm

thành một phương tiện của sự giác ngộ. Do đó, một miếng thịt lớn sẽ là vật cúng dường thích hợp trong một lễ nhập môn Kim Cương Thừa.

55. Lệ phí quán đảnh là phương pháp có tính chất truyền thống để biểu lộ lòng biết ơn với vị thầy. Nó không phải là một số lượng được ấn định sẵn theo truyền thống. Nhưng đó là sự giả định sự cúng dường khá lớn được thực hiện như một cử chỉ của việc thừa nhận giá trị vô biên của các giáo lý.

Về lý thuyết, nó được hiến cúng không phải vì vị thầy ham muốn của cải vật chất. Đây là hành động đem lại lợi lạc cho người cúng dường. Ví dụ, khi Marpa cúng dường Naropa số vàng ngài phải khó khăn lắm mới kiếm được. Naropa nói: “Ta không cần. Vì ở đây tất cả đều là vàng”. Sau đó dùng ngón chân cái chạm vào mặt đất, biến toàn bộ thành vàng (trang 15, Cuộc đời và Giáo lý của Naropa, bản dịch của Guenther).

56. Chos.dbang Sems la bsKur.ba ba'I Zab.pa'I Ting.nge.'dzin.gyis dBang.bzhi: Sự nhập môn vào bốn trạng thái của thiền định - Trạng thái Dharmadhatu. (Chos.dByings, Pháp Giới). Không gian (Dhatu) - Những khoảnh khắc trong tiến trình tri giác (các pháp).

57. Nam.mKha' sGo.'byed bya ba'I Shin tu Byin.rLabs che ba'i Byin.rLabs.kyis dBang.bskur: Nghĩa đen “Sự nhập môn Cánh Cửa Dẫn Vào Pháp Giới. Sự Ban phước của sự Ban phước vĩ đại”.

58. sGyu.'Phrul Chen.mo. dBang.

59. Ye.shes. dBab.

60. Theo Giáo sư Namkhai Norbu. Điều này xảy ra vào thời điểm lễ nhập môn. Bởi năng lực đi vào từ Guru, chư Phật và Bồ Tát, kích hoạt năng lực bên ngoài của người được nhập môn. Những vũ điệu này là những chuyển động của năng lực giác ngộ trong hình thức an bình.

61. Chos.nyid la rTogs.pa Med.pa rDo.rje lTa.bu'I Ting nge.dzin.

62. Nếu hiểu rằng những Naga (rồng) sống dưới nước thuộc loài rắn như sự hiển lộ vô thức của Machig và là một bộ phận của tâm thức của riêng bà. Sự

giả định này đặt nền trên ý niệm môi trường của chúng ta là sự hiển lộ của nghiệp và sự phóng chiếu của chính ta. Như thế, việc gặp gỡ này với đặc điểm địa ngục của Naga thì rất thú vị. Phản ứng sợ hãi lẫn giận dữ của Naga, giống phản ứng vô thức đối với cuộc thăm viếng không được mời thỉnh.

Vô thức tràn đầy tính chất giận dữ mãnh liệt và nỗi sợ bị mất mát đã tấn công ý thức xâm lăng. Cây cối điển hình, được những quái vật bảo vệ. Esther Harding mô tả trong Những điều Bí ẩn của Phụ nữ: “Cây mặt trăng thường được miêu tả là canh chừng hay tấn công bởi những thú vật hay quái vật... Tuy nhiên, loài rắn được kết hợp với mặt trăng vì lý do khác. Những con rắn sống trong những hang tối, có máu lạnh. Đối với cảm xúc của con người thì khó tới gần được. Bởi những lý do này, chúng luôn có liên hệ với địa ngục và với vong hồn của người chết” (trang 63).

Cây cối là biểu tượng được cá tính hóa trong tâm lý học của Carl Jung. Bởi cô bay (sự siêu việt) trên ngọn cây. Nếu được hiểu theo tâm lý học, có thể có nghĩa vào thời điểm cô đã hoàn tất tiến trình cá tính hóa. Sự truyền dạy trực tiếp nơi thân cây là bước ngoặt trong đời và là sự trưởng thành tâm linh của cô. Từ trước cho đến thời điểm này, cô đang trong sự thực hành. Sau lúc này, cô tỉnh giấc về tương lai như một vị thầy. Và như thế, cô không sống một mình. Có nghĩa sẽ gặp vị phối ngẫu và có con cái. (Xem chú thích 13 trong tiểu sử của Nangsa Obum).

63. Bởi những quỷ ma (sự phóng chiếu của bản ngã), chỉ có thể làm hại người có cái gì đó để phòng vệ. Nhưng chúng không thể quấy rầy người không có phạm vi (bản ngã) để bảo vệ. Đây là nền tảng triết học của giáo lý Chod.

64. Những Bản Tôn hiện hữu không phụ thuộc vào tin tưởng của chúng ta. Vì thế khi một người được chuẩn bị đúng đắn và rộng mở. Sự truyền dạy trực tiếp có thể xảy ra thay vì qua một Guru. (Xem chú thích 80 trong tiểu sử của Nangsa Obum).

65. Đây là cách ám chỉ hôn nhân của một Yogini và một Yogi. Trí tuệ sâu xa (Prajna) tượng trưng cho nữ. Phương tiện thiện xảo (Upaya) tượng trưng cho nam.

66. Trạng thái trần trụi của tâm thức trong sự tỉnh giác của chính nó. Không bị che phủ bởi mê lầm. Đôi khi được biểu lộ bằng sự trần trụi theo nghĩa đen của Yogini hay Yogi. Điều này cũng biểu lộ việc vượt lên những giới hạn quy ước vươn đến trí tuệ tự nhiên. Với những hành động siêu vượt những khuôn mẫu quen thuộc. Vì thế, đôi khi được gọi là trí tuệ điên. Tính ngữ của nhiều đại thành tựu giả (sDrub Tobs). Tuy nhiên, sự điên khùng này không được lẫn lộn với sự điên cuồng của những người đau khổ vô minh, lầm lạc. Bởi nó là sự biểu lộ của trạng thái quang minh: “Thân trần trụi tượng trưng cho chân lý. Chân lý lại thâm sâu hơn phong tục xã hội.

Các bà Phù thủy tôn thờ sự trần trụi. Bởi một vài lý do như cách thiết lập sự thân thiết và đánh rơi những mặt nạ xã hội. Bởi năng lực hầu như dễ dàng được phát triển theo cách đó, và thân thể con người tự nó đã thiêng liêng. Sự trần trụi là dấu hiệu cho thấy sự trung thành của bà Phù thủy; để nhắm tới chân lý trước bất kỳ ý thức hệ hay ảo tưởng có tính chất an ủi nào”. (Starhawk - Vũ điệu Xoắn ốc, trang 83). Machig đã tiến bộ từ một ni cô phi thường trẻ thơ tới một Yogini trần trụi là người đã siêu vượt những bó buộc của các đòi hỏi tập thể.

67. Những sự lễ lạy. Lạy dài toàn thân hay chỉ đầu, bàn tay và đầu gối chạm vào sàn nhà. Đó là cách biểu lộ lòng sùng mộ và chiến thắng tánh tự phụ.

68. Skandas (Phung.po) cấu tạo nên thân ngũ uẩn hay theo nghĩa đen “những đống”. Có năm uẩn:

1- Sắc (gZugs).

2- Tri giác thuộc cảm giác (tho, Tshor).

3- Sự khái niệm hóa (tuong, ‘Du.shes).

4- Sự thúc đẩy thường lệ (hành, 'Du.byed).

5- Thúc (rNam.shes).

69. Tám thức:

1- A lại da thức. Tạng thức, kẻ chủ mưu mọi hoạt động trong tâm thức.

Alaya Vijnana (Kun.gzhi).

2- Nyon.yi. (Mạt na thức); Thức tiềm ẩn là thức dính líu tích cực hơn A lại da thức.

3- Sáu thức khác là năm thức thuộc các giác quan; Cộng thêm ý thức là sự giác biết về năm giác quan.

70. Lễ cúng dường Mandala là sự cúng dường có tính chất biểu tượng thế giới. Có thể được thực hiện bằng những vật tượng trưng hay chỉ bằng trí tưởng tượng. Có ba cấp độ Mandala được cúng dường:

1- Bên ngoài.

2- Bên trong.

3- Bí mật.

71. Năm Pháp của Maitreya được Asanga biên soạn (Phái Yogacara “Duy thức”).

72. Bodhicitta (Bồ đề tâm). Tư tưởng giác ngộ vì tất cả chúng sinh. Nền tảng của các giáo lý Đại thừa.

73. sGra 'gyur sKor: sự thực hành sử dụng âm thanh làm phương pháp.

74. rDzog.chen.poi sKor: xem chú thích 28 trong phần tiểu sử của Nangsa Obum.

75. Phyag.rgya Chen.po brDa: Đề đệ tử có thể thấu hiểu chân tánh tâm sau khi chuẩn bị. Guru ban cho đệ tử một giáo huấn trực chỉ hay sự biểu hiện.

Nó có thể là một cái thổi, một nụ cười mỉm, một nhận xét, sự đưa ra một đồ vật, một cử chỉ... Theo cách này, trạng thái của tâm được thấu suốt.

76. Sáu Pháp Du già của Naropa: Giáo thuyết có ý nghĩa đặc biệt với phái Kagyu, xuất xứ từ vị yogi Ấn Độ Naropa. Những giáo thuyết này đi vào Tây Tạng nhờ đệ tử người Tây Tạng của ngài là Marpa:

1- gTum.mo. Yoga hiển lộ kết quả tăng trưởng thân nhiệt. Quan trọng tới nỗi hành giả có thể sống ở những độ cao trong mùa đông mà không có quần áo hay hơi ấm.

2- rGyu.lus; thân huyền.

3- rMi.lam. Yoga giấc mộng.

4- 'Od.gsal. Tịnh quang.

5- 'Pho.ba. Sự chuyển di sang những hình thức khác của sự hiện hữu.

6- Bardo. Yoga sau khi chết.

77. Kalachakra nghĩa đen là “Bánh Xe Thời gian”. Tantra nổi tiếng được khám phá lần đầu tại dPal.la ‘Bras Spungs (Sri Dhanyakataka; miền đông Ấn Độ). Được nhân mạnh bởi phái Jo.nang.pa. Nó là giáo lý huyền diệu được giữ gìn ở Shambala - Vương quốc tâm linh ở đông bắc Ấn Độ; xem chiều kích thời gian như sự thực hành Kim Cương thừa. Được cho rằng do đức Phật giảng dạy ở Kapala, thủ đô của Shambala.

78. Doha (bài ca chứng đạo) là loại bài hát hay thi ca huyền bí có nguồn gốc từ những thành tựu giả Ấn Độ. Chúng là những bài kệ bí ẩn khó hiểu; mô tả giáo thuyết và những kinh nghiệm thiền định. (Xem Bài Ca Vương giả của Saraha, bản dịch của Guenther, gồm nhiều Doha, những bình giảng của Guenther và những luận giảng được chuyển dịch).

79. Tantra Maha Yoga, Tantra Anu Yoga và Tantra Ati Yoga (Xem Tucci - Những Tôn giáo của Tây Tạng).

80. Ngôi điện có lưu giữ pho tượng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được nói là do hoàng hậu Trung Hoa của vua Songtsen Gampo mang qua Tây Tạng vào thời kỳ truyền bá lần đầu tiên ở Tây Tạng (thế kỷ VII). Nó được người Tây Tạng hết sức tôn kính và cho là tạo nên nhiều điều kỳ diệu.

81. Bốn Prajna:

Trí tuệ sâu xa từ:

- 1- Lắng nghe (Văn).
- 2- Suy nghĩ (Tu).
- 3- Thiên định. (Tu).
- 4- Thấu suốt.

82. Ba cánh cửa dẫn tới những sự giải thoát:

- 1-Tánh Không. (Sunyata, sTong.pa.nyid).
- 2- Sự Tuyệt đối. (mTshaan.ma.Med.pa),
- 3- Sự Vô Dục. (sMon.pa Med.pa)

83. Chos dbang Sems: Giảng dạy khẩu truyền những kinh nghiệm sơ bộ (Nyams) về ý nghĩa đích thực của Quán đảnh Pháp (Chos.dbang).

84. Phương pháp lìa bỏ thân qua đỉnh đầu vào lúc chết (Nam.mkha'sGo.'byed kyi Ngo.sprod 'Pho.ba).

85. - 96.: (Tiếng Tây Tạng)

97. Maha Sukha

98. Kali Yuga: Thời đại hay kỷ nguyên suy hoại hiện nay. Chúng ta suy hoại từ Thời đại Vàng qua Thời đại Bạc và Thời đại đồng. Hiện nay là thời đại Sắt suy thoái nhất của chúng ta (về tâm linh và đạo đức). Đây là thời đại sẽ trở nên càng lúc càng tệ hại hơn. Những sự việc mỗi lúc một nhanh chóng hơn cho tới cuối Yuga. Khi cái xấu lan rộng tới độ tràn đến vương quốc linh thánh Shambala, vào lúc đó các vị vua của Shambala sẽ tập hợp

một đạo quân và thủy triều sẽ bị đảo ngược. Điều này xảy ra khoảng ba trăm năm nữa kể từ bây giờ.

99. Những Bốn Tôn trẻ trung và phần nô; ‘Jam.dpal ‘rTsa.ba’rGyud.kyi rGyal.po.

100. (Tiếng Tây Tạng)

101. Lam.’bras: Đặt căn bản trên những giáo lý của Virupa. Tuyển tập của các Anutara, đặc biệt nối kết với Bốn Tôn Kim Cương thừa Hevajra được gọi là rDo.rje Tshig.rkang. Lamdre là bình giảng về Bốn Tôn và giáo lý này. Nghĩa đen là “Con đường và quả” là nền tảng của dòng Sakya.

102. Phag.rgya Chen.po’i brDa. Trạng thái tự nhiên thường đề cập đến trong giáo lý Mahamudra. Như trong “Bài ca Mahamudra” của Tilopa:

“Tánh Không không cần nơi nương tựa,

Mahamudra không an trụ nơi đâu.

Không một chút dụng công,

Vẫn lơ lửng và tự nhiên.

Ta có thể bẻ gãy ách,

Do đó đạt được Giải thoát.

(C.C. Chang, Các Giáo lý Yoga Tây Tạng, trang 25)

103. Khi những thực hành có hiệu quả, những dấu hiệu sẽ xuất hiện trong thân như: Nội nhiệt. Hỉ lạc, trạng thái cảm xúc trở nên rất nhẹ nhàng.

104. Âm chỉ sự tính giao giữa Yogini (Trí tuệ sâu xa) và Yogi (Phương tiện thiện xảo). Đây là sự giao tiếp tính dục, được xem là một phần quan trọng của con đường. Nó là năng lực luân chuyển nhờ sự tính giao, Đặc biệt là sự kích hoạt của rTsa, rLung và Thig.le (Những kinh mạch vi tế, sự rung động sinh lực và tinh chất của nam - tinh dịch và nữ - máu huyết). Chúng mở ra những khu vực tâm thức trước đây bị đóng lại. Trong tiểu sử Yeshe

Tsogyel. Sự cần thiết trong việc tìm kiếm một người vợ hay chồng thích hợp được giảng nghĩa như sau:

“Như thế, con gái mà không có một phối ngẫu. Vì người chồng là phương tiện thiện xảo. Nên làm sao con có thể kinh nghiệm những sự huyền nhiệm của Tantra. Đúng hơn như thế này: Nếu bình không được nung chín sẽ không thể sử dụng. Trong một miền không có gỗ, lửa không thể cháy. Nếu không có độ ẩm để duy trì sự tăng trưởng, việc trồng một cây giống thật vô ích”. (Keith Dowman Vũ công trong Pháp Giới).

Để kích hoạt năng lực và kiểm tra sự phát triển. Đôi khi cần tham dự vào mối liên hệ với một người vợ (chồng) bên ngoài. Đây hoàn toàn là sự đảo ngược của tiến trình thông thường. Trong đó, chúng ta tham dự vào cuộc hôn nhân trước khi có may mắn chuẩn bị bản thân một cách tâm linh như trường hợp của Nangsa Obum. Machig có những nghi ngờ như thế khiến cô tìm kiếm một vài sự xác nhận từ các vị thầy trước khi quả quyết sẽ tiến hành sự phối hợp.

Machig cũng nuôi con cái và cô trải qua một loạt sự thai nghén liên tiếp và mau chóng trong những điều kiện rất thô sơ. Sự hiểu biết thông tuệ của cô trong việc từ bỏ những tham muốn ích kỷ của hành giả vì sự lợi lạc của những người khác hành giả phải làm với tư cách là một bà mẹ. Hẳn được kiểm tra nghiêm ngặt trong thời gian này. (Đây cũng là căn bản của sự cúng dường thân thể trong pháp Chod). Không có kinh nghiệm này, có thể cô sẽ không trở nên một phụ nữ trưởng thành hay bi mẫn.

105. dGe.shes là danh hiệu chỉ cấp bậc cao nhất trong việc tu học ở Tây Tạng. Danh hiệu Tây Tạng tương đương với Tiến sĩ thần học. Nghĩa đen là “Sự thấu suốt đức hạnh” và phải từ mười cho tới hai mươi lăm năm nghiên cứu để đạt được cấp bậc này.

106. Bốn Tôn của sự Thông tuệ và Học tập: Ngài mang thanh kiếm chặt đứt tà kiến và tính đa cảm thiếu tự chủ.

107. r’Then.’Brel Yan.lag bCu.gnyis: Mười hai giai đoạn trong tiến trình của hành động thuộc về nghiệp (thập nhị nhân duyên). Bắt đầu với khái

niệm và trải qua tiến trình củng cố tư tưởng và hành động. Cuối cùng là cái chết. Tiến trình này thường được minh họa xung quanh mép Bánh xe đời sống của Tây Tạng. Mười hai giai đoạn là:

1- Vô minh.

2- Hành.

3- Thức.

4- Danh và sắc.

5- Lục nhập (năm giác quan và ý thức giác quan).

6- Xúc.

7- Thọ.

8- Ái.

9- Thủ.

10- Hữu.

11- Sinh.

12- Lão và tử.

108. Sự hợp nhất của giọt trắng ('Thig.le) nam và giọt máu đỏ (Thig.le) nữ tại tim. Thiên định phát triển những giọt này tương tự như kiểu mẫu bốn Quán đảnh: Vào lúc cuối hai giọt hợp nhất. Đó là giây phút quan trọng nhất - Sự kích hoạt hay 'Od.gsal - ánh sáng. Tự tỏa chiếu và siêu vượt sự nhị nguyên. Một sự chói lọi vô hạn - tánh Không chói ngời. Hiện nhiên, qua những thực hành du già đã chuyển hóa năng lực của chúng thành tinh chất đỏ và trắng. Hiện lộ sự quang minh nhờ phát triển Bốn Quán đảnh.

109. Bản văn vẫn tắt trong việc giải thích quyết định quan trọng này. Nhưng một lần nữa chúng ta thấy cô được các Dakini dẫn dắt thực hiện sự chuyển dịch từ giai đoạn trong đời sang giai đoạn kế tiếp. Hình như cô không muốn tiếp tục vai trò làm mẹ. Vượt quá thời gian những đứa con tuyệt đối cần phải có mẹ. (Cô ra đi khi đứa con nhỏ nhất lên bốn, sau mười năm chung sống với Topabhadra).

Về sau khi cô nối kết với họ một lần nữa. Đó là vai trò của vị Thầy. Không phải của bà mẹ. Có lẽ cần phải sinh ra những đứa con này để dòng truyền; để chúng tiếp nối như Guru đã nói với cô. Nhưng đối với cô, không cần nuôi nấng chúng nếu không cô sẽ không có sự dẫn dắt này từ các Dakini. Ta được thúc đẩy xem Topabhadra xử sự với tình huống này ra sao. Khi ông mang chúng trở lại, thay vì buộc tội lẫn nhau. Ông tặng cho cô sự thấu hiểu trong những năm tháng họ sống xa nhau. Và cô nhận lãnh vai trò ban cho chúng một sự giáo dục tâm linh.

Sự biểu lộ đáng quan tâm khác là: Cô “có vẻ” nhằm chán những chu trình luân hồi – Samsara (sinh tử). Điều này hàm ý: Cô không thực sự nhằm chán nhưng để lộ ra điều đó như cái cớ. Bởi lý do đích thực của cô là sự truyền thông với Dakini. Hoặc không thể được phơi bày hay thấu hiểu hay không được phơi bày. Điều này nêu lên toàn bộ vấn đề của sự bí mật liên quan tới nguyên lý Dakini.

Cái một trong xã hội lúc bấy giờ là sự “trung thực”. Có nghĩa thuật lại mọi chuyện bạn suy nghĩ hay kinh nghiệm cho hầu như bất cứ ai. Trong mối quan hệ với Dakini hay khi xử sự với những thực hành tâm linh. Không phải thế. Nhiều sự chuyển hóa tâm linh sâu xa, chỉ có thể được phát triển trong sự im lặng. Đây là lý do, hầu hết tất cả những tài liệu đặt nền trên sự truyền thông của Dakini đều bí mật. Khám phá những bí mật là tạo nên sự phẫn nộ của các Dakini. Điều này sẽ hiển lộ như những chướng ngại trong sự phát triển tâm linh.

Nguyên lý này được lập lại bởi M.L. Von Franz trong bài nói chuyện về Giống Cái Trong Những Chuyện Thần Tiên: “Có những sự việc thậm chí không được thảo luận bởi chính ta. Chúng phải bị bỏ lại trong sự mù mờ và

không được nhìn quá chính xác. Chúng là những điều bí mật của linh hồn; chỉ có thể phát triển trong bóng tối - Mặt trời trong treo của ý thức thiêu rụi cuộc đời. Trong thần thoại học có những bà tiên, những người khổng lồ như thế... Thậm chí. Những người tốt bị tia nắng mặt trời chạm vào và đứng sững như đá. Họ phải sống trong sự mờ tối (trang 90).

Lý do bí mật của giáo lý Kim Cương thừa không phải cố gắng tạo nên một “xã hội bí mật”. Bởi nếu vung nôi được mở ra thì hương thơm sẽ thoát đi mất. Chính vì lý do này Dakini thoát khỏi sự định hình. Xuất hiện trong nhiều hình thức và phải an trụ trong phạm vi mù mờ cùng với những giáo lý “bí mật” đang chịu trách nhiệm.

110. Phag.mo Thugs.sgrub Lha.Inga.

111. Siddha (Drub.Thob): Thành tựu giả - Vị đã thành tựu những năng lực thông thường lẫn phi thường - Yogi hay Yogini thành tựu.

112. Vajrapani (Kim Cương Thủ) Bảo Trợ Kim Cương thừa.

113. Upadesha (Man.ngag.sde): Giáo lý Dzogchen cao cấp nhất; được phân chia thành Khregs.chod. Nội hành giả nhận ra giác tánh bản sinh (Rig.pa); theo sau bởi Thod.rgal - Pháp sử dụng những tư thế đặc biệt và kỹ thuật thiền định. Duy nhất những thực hành Thod.gral phát triển khả năng để kinh nghiệm trí tuệ (Ye.shes) là ánh sáng thuần tịnh. Kết quả tối hậu của những thực hành này là sự hiển lộ của thân ánh sáng vào lúc chết. Khi những không gian vật lý và tinh thần tan hòa vào ánh sáng. Xem Tucci, - Những Tôn Giáo Của Tây Tạng, trang 85-87).

114. Nếu Yogi thành công trong việc đưa Prana (khí) vào kinh mạch trung ương. Tư tưởng lan man sẽ ngừng lại, và đi vào trạng thái thiền định (Xem chú thích 6, tiểu sử Nangsa Obum).

115. Tum.mo: Thực hành nội hỏa nhiệt. Đặt nền trên việc kiểm soát Prana (khí). Có thể sống ở những nơi rất lạnh với ít hay không có quần áo.

116. Yantra Yoga: Những chuyển động vật lý với sự kết hợp của hơi thở. Tháo gỡ những nút thắt trong những dây thần kinh vi tế. Khiến Prana (khí) lưu chuyển êm ả. Điều quan trọng nhất. Ngay cả, hơi thở cũng sâu hơn để đưa vào thiền định. Nó cũng chứa đựng những bài tập cho sự phát triển nội nhiệt. Có thể sử dụng để chữa trị sự mất quân bình gây nên bệnh tật. Namkhai Norbu đã xuất bản một bản văn của Vairocana về vấn đề này kèm theo một bình giảng gọi là: Khrul. 'khor Nyi.zla Kha.sbyor.

117. Pranayama: Những thực hành hít thở đem lại Prana (khí). Vì thế tâm thức (bị ảnh hưởng rất nhiều bởi Prana) được kiểm soát.

118. Ma.rgyud mKha'. 'gro gNas.'gyur: Sadhana dakini của dòng Tantra Mẹ.

119. - 121(Tiếng Tây Tạng)

122. Xem Dẫn nhập.

123. Xem Dẫn nhập.

124. Tripitaka – Sutra (kinh) , Vinaya (Luật) và Abhidharma (Tâm lý học Phật Giáo). các giáo lý Tiểu thừa.

125. Xem Dẫn nhập.

126. Cõi trời nơi đức Phật đã an trú trước khi sinh ra tại Lumbini, Ấn Độ.

127. Bốn Mudra (Ấn): Con đường tiến triển hướng đến Mahamudra (Phyag.rgya Chen.bo) Đại Ấn của sự Chuyển động Vĩ Đại.

1- Ấn thứ nhất là: “Mudra của Pháp”. Sự thấu hiểu những gì vị thầy nói khi giảng dạy Pháp; Sự thấu hiểu về bản tánh của thực tại (các pháp).

2- Ấn thứ hai: “Karmamudra”. Những thực hành bao gồm: Tiếp xúc vật lý và những thực hành tính dục. (Xem Cuộc đời và Giáo lý của Naropa, bản dịch của Guenther.).

3- Ấn thứ ba: “Samayamudra”. Bao gồm việc giữ gìn những hứa nguyện, hay giới nguyện, Thực hiện những sự quán tưởng và thần chú; Được ban cho trong thời gian những lễ quán đánh.

4- Ấn thứ tư: “Mahamudra”. Sự hợp nhất mọi sự trong trạng thái Shunyata (Phyag, Tánh Không); Và sự giải thoát khỏi tính chất thế tục (rGya).

CChen.po là sự hợp nhất của hai chức năng này trong một trạng thái. (Xem Những Giáo lý của Yoga Tây Tạng, Bản dịch C.C. Chang; Wang Chug Dorje - Kinh nghiệm đại Ấn: Sự Giải trừ Bóng tối của Vô minh).

128. Arya Deva: Đệ tử của Nagarjuna. Vị sáng lập phái Trung đạo của triết học Đại thừa.

129. “Dewa Ngodrub” – Dakini.

130. (Tiếng Tây Tạng)

131. Bốn Tôn tịnh hóa phần nộ.

132. Thugs.rje Chen.po Kha.sal.pa: Khi Bồ Tát Avalokitesvara đạt được giác ngộ và rời khỏi thế giới. Ngài quay đầu nhìn xuống và thấy quá nhiều đau khổ tới nỗi đầu ngài vỡ ra thành nhiều mảnh và mọc một ngàn cánh tay. Ngài sử dụng những đầu và tay này để cứu giúp chúng sinh.

133. -134 (Tiếng Tây Tạng)

135. gTor.ma: Những vật cúng dường làm bằng bột lúa mạch nướng hay gạo trộn bơ được nặn thành những hình dạng tượng trưng cho những châu báu hay thuốc tiên. Được dùng trong những nghi lễ dạng tượng trưng cho châu báu hay thuốc tiên. Và trong những nghi lễ để làm an dịu những năng lực đối kháng và làm hài lòng những Bốn tôn được khẩn cầu. Nghệ thuật làm Torma và những nghi lễ đi kèm theo việc cúng dường. Bao gồm một phần chính yếu những nghi lễ Tây Tạng. Có hàng trăm loại Torma và những nghi lễ có liên quan với việc cúng dường.

136. Có Kusha: Loại cỏ đực Phật đã ngồi trên đó trước khi đạt Giác ngộ. Cỏ này cũng được ban vào đêm trước lễ nhập môn và đặt dưới gối. Những giác

mơ của người nhập môn sẽ được thuật lại cho Lama vào ngày hôm sau trước lễ nhập môn.

137. Xem chú thích 38 trong tiểu sử của Nangsa Obum.

138. Rigpa: Sự thông tuệ thuần tịnh. Sự thể nhập tánh Không chói ngời không tạo tác. Không có sự khởi đầu nhưng đang hiện hữu.

139. Con đường của cái Thấy Tawa (Lta.ba) rất quan trọng trong các giáo lý Dzogchen. L.Ta.ba là phương diện quan trọng nhất của giáo lý. Bởi thực hành mà không có cái thấy (kiến) đúng đắn là hành động vô ích. Khi cái thấy được đưa vào hành động. Đây là con đường của hành (sPyod).

140. Ringsel: Những xá lợi nhỏ hình cầu thường có màu trắng. Đôi khi hiển lộ năm màu xuất hiện từ tro của những vị Thầy vĩ đại sau khi các ngài mất hay từ những thánh địa. Chẳng hạn như những tượng Phật hay các Stupa (tháp). Người ta nói rằng chúng được sinh ra bởi lòng sùng mộ của các đệ tử. Thậm chí khi hành giả thượng thặng mất. Nếu không có những đệ tử sùng mộ thì cũng sẽ không có Ringsel. ững có những trường hợp Ringsel xuất hiện sau khi tro hay những mẫu xương được thu thập và giữ gìn trong một thời gian nào đó.

Một vài người có thể có một vài di vật và giữ gìn chúng rất cẩn trọng và sùng mộ. Sau một thời gian được chiêm ngắm chúng có thể biến thành Ringsel. Ringsel cũng có thể có khả năng sinh sôi nảy nở. Một viên trong số Ringsel lớn lên và những chỗ u xuất hiện trên mặt Ringsel. Sau đó những chỗ u lên trở thành ringsel nhỏ. Năm 1970, tháp Swayambhu ở Kathmandu phát sinh Ringsel trên mặt phía đông của tháp. Có hàng ngàn viên, khắp mặt đất và khắp cả tu viện. Kể cả những Lama cao cấp nhất, là những vị hầu như không bao giờ ra khỏi phòng đã ra ngoài để thu nhặt chúng.

141. Pho.wa; Thực hành bao gồm việc phóng tâm thức ra khỏi đỉnh đầu vào lúc chết và hướng đến nơi nào bạn muốn - Cõi Phật hay Pháp thân...